

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

TÌM HIỂU
QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN
NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Luật Đấu thầu đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sau đây viết tắt là Luật Đấu thầu năm 2023); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 09/2023/L-CTN ngày 03 tháng 7 năm 2023; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (viết tắt là Nghị định số 23/2024/NĐ-CP); Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (viết tắt là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP).

*Nhằm giúp các doanh nghiệp, doanh nhân kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang biên soạn cuốn tài liệu **“Tìm hiểu quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư”**, cấp phát đến các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh.*

Mong nhận được sự quan tâm của quý độc giả. Mọi đóng góp xin gửi về địa chỉ: Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, số 501, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; số điện thoại: 02073 818 154.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

CHƯƠNG I

QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

MỤC 1. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ

Theo khoản 1 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế bao gồm các bước sau đây: (1) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; (2) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; (3) Đánh giá hồ sơ dự thầu; (4) Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn (*Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất*); (5) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có); (6) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, cụ thể như sau:

I. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ KHÔNG QUA MẠNG ĐỐI VỚI GÓI THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP THEO PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được quy định tại các Điều từ Điều 22 đến Điều 33 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

1.1. Lựa chọn danh sách ngắn (nếu cần thiết)

Điều 23 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về lựa chọn danh sách ngắn như sau:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, người có thẩm quyền quyết định áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn phải được ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

1.1.1. Đối với đấu thầu rộng rãi

- Lập hồ sơ mời sơ tuyển: Hồ sơ mời sơ tuyển bao gồm các nội dung: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ

sơ dự sơ tuyển; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự sơ tuyển; tiêu chuẩn về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được xây dựng theo các tiêu chí đạt, không đạt, trong đó quy định mức tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

- Hồ sơ mời sơ tuyển được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển.

- Thông báo mời sơ tuyển theo quy định.

- Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển: Hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển: Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.

- Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển: Hồ sơ dự sơ tuyển được nộp trong thời hạn và địa điểm quy định tại hồ sơ mời sơ tuyển và được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ dự sơ tuyển phải được ghi thành biên bản, gửi cho các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu. Hồ sơ dự sơ tuyển được gửi sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại. Việc đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển. Nhà thầu có hồ sơ dự sơ tuyển được đánh giá đạt đối với tất cả các nội dung về năng lực và kinh nghiệm được đưa vào danh sách ngắn.

Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thì không phải đáp ứng một số yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

- Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển: Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia. Kết quả sơ tuyển được thẩm định theo quy định và được phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

- Công khai danh sách ngắn: Danh sách ngắn được bên mời thầu đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải danh sách ngắn bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

1.1.2. Đối với đấu thầu hạn chế

- Xác định, phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư xử lý theo một trong hai cách sau đây: i) Tiến hành lựa chọn bổ sung nhà thầu vào danh sách ngắn; ii) Cho phép phát hành ngay hồ sơ mời thầu cho nhà thầu trong danh sách ngắn.

- Sau khi phê duyệt, danh sách ngắn được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải danh sách ngắn bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Lưu ý: Các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự thầu; trường hợp liên danh với nhà thầu ngoài danh sách ngắn thì phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu.

1.2. Lập hồ sơ mời thầu

Lập hồ sơ mời thầu được quy định tại Điều 44 Luật Đấu thầu năm 2023 và Điều 24 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1.2.1 Căn cứ lập hồ sơ mời thầu

Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định căn cứ lập hồ sơ mời thầu, bao gồm:

- Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt (nếu có).
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.
- Tài liệu về thiết kế, bản vẽ, thuyết minh về gói thầu (nếu có).
- Các yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật, yêu cầu công nghệ, chất lượng dịch vụ, yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và các yêu cầu về kỹ thuật khác (nếu có).
- Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế, thỏa thuận vay (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi.
- Quy định của pháp luật về thuế, phí, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.
- Các căn cứ liên quan khác.

1.2.2. Nội dung hồ sơ mời thầu

Khoản 1 Điều 44 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định hồ sơ mời thầu bao gồm:

- Chỉ dẫn nhà thầu, tùy chọn mua thêm (nếu có).
- Bảng dữ liệu đấu thầu.
- Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; kỹ thuật; tài chính, thương mại; uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và chất lượng hàng hóa tương tự đã sử dụng.

Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, hồ sơ mời thầu phải nêu rõ phạm vi công việc và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt;

- Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.
- Phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật, điều khoản tham chiếu.
- Điều kiện và biểu mẫu hợp đồng.
- Các hồ sơ, bản vẽ và nội dung khác (nếu có).

** Tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 24 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về nội dung hồ sơ mời thầu như sau:*

(1) Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

(2) Hồ sơ mời thầu phải quy định nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, bao gồm:

- Có bản gốc hồ sơ dự thầu.
- Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.

- Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

- Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh.

- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

(3) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, bao gồm:

- Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt

đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu).

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung nêu trên thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thì không phải đáp ứng một số yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Nhà thầu là hộ kinh doanh không phải nộp báo cáo tài chính, không phải đáp ứng yêu cầu về giá trị tài sản ròng.

- Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật từ 80% đến 90% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật; đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất

lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định (gồm: tiến độ thực hiện hợp đồng; chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do; thông tin về quá trình thực hiện hợp đồng; các thông tin khác (nếu cần thiết)) và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập hồ sơ mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa; mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa; khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường; tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết; các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; tiến độ cung cấp hàng hóa; yếu tố thân thiện môi trường; thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định; các yếu tố cần thiết khác.

- Xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất): xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh sai lệch; trừ giá trị giảm giá (nếu có); chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có); xác định giá trị ưu đãi (nếu có); so sánh giữa các hồ sơ dự thầu để xác định giá thấp nhất.

- Tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá):

Công thức xác định giá đánh giá:

$$GDG = G \pm \Delta G + \Delta UĐ$$

Trong đó:

$G = (\text{giá dự thầu} \pm \text{giá trị sửa lỗi} \pm \text{giá trị hiệu chỉnh sai lệch}) - \text{giá trị giảm giá (nếu có)}$.

ΔG là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa bao gồm: thời gian giao hàng; tiến độ thanh toán; chi phí cho các hạng mục vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian đầu; khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng cho hàng hóa được chào trong hồ sơ dự thầu tại địa điểm dự án; chi phí vòng đời sử dụng; hiệu suất và công suất của thiết bị; các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; chất lượng hàng hóa đã được

sử dụng được công khai theo quy định, bao gồm cả việc xem xét xuất xứ; các yếu tố khác (nếu có).

ΔUĐ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định về ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.

(4) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu xây lắp bao gồm:

- Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị thi công chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); năng lực tài chính: giá trị tài sản ròng, doanh thu; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung nêu trên thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

- Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung về khả năng đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ thiết kế, phạm vi công việc, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập hồ sơ mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm: tính hợp lý và khả

thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công; tiến độ thi công; cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động; mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; các yếu tố cần thiết khác.

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà hồ sơ mời thầu yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong hồ sơ mời thầu.

- Việc xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất): Xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh sai lệch; trừ giá trị giảm giá (nếu có); chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có); xác định giá trị ưu đãi (nếu có); so sánh giữa các hồ sơ dự thầu để xác định giá thấp nhất.

- Tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá):

Công thức xác định giá đánh giá:

$$GDG = G \pm \Delta G + \Delta UĐ$$

Trong đó:

G = (giá dự thầu \pm giá trị sửa lỗi \pm giá trị hiệu chỉnh sai lệch) - giá trị giảm giá (nếu có).

ΔG là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của công trình bao gồm: tiến độ hoàn thành công trình; chi phí vòng đời trong toàn bộ quá trình sử dụng của công trình; chi phí lãi vay (nếu có); các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; các yếu tố khác (nếu có).

$\Delta UĐ$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định về ưu đãi đối với đấu thầu quốc tế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, xây lắp, hỗn hợp.

(5) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn và gói thầu hỗn hợp:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và quy định về các nội dung của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa và gói thầu xây lắp để xác định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh

nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất) hoặc tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá) cho phù hợp.

(6) Không sử dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá đối với gói thầu áp dụng phương thức lựa chọn nhà thầu một giai đoạn một túi hồ sơ. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật.

(7) Đối với gói thầu chia phần, hồ sơ mời thầu phải nêu rõ điều kiện chào thầu, biện pháp và giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần hoặc nhiều phần và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình.

(8) Quy định về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa:

- Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ; không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, trừ các trường hợp sau: i) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này; ii) Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Trường hợp gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác và đáp ứng đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế để lựa chọn nhà thầu thì hồ sơ mời thầu được quy định về xuất xứ, nhãn hiệu của hàng hóa; iii) Ưu đãi trong mua thuốc.

Đối với trường hợp hồ sơ mời thầu có quy định về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà không bao gồm xuất xứ Việt Nam thì hàng hóa xuất xứ Việt Nam vẫn được xem xét, đánh giá.

- Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc

tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có).

(9) Quy định về sử dụng lao động:

Đối với đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu phải quy định sử dụng lao động trong nước đối với những vị trí công việc mà lao động trong nước đáp ứng được và có khả năng cung cấp, đặc biệt là lao động phổ thông. Chỉ được sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước không đáp ứng yêu cầu. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu về sử dụng lao động thì bị loại.

(10) Quy định về tùy chọn mua thêm (nếu có):

Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu có quy định về tùy chọn mua thêm thì hồ sơ mời thầu phải quy định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ tối đa thuộc tùy chọn mua thêm phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

(11) Hồ sơ mời thầu không được đưa ra yêu cầu về cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau đây gọi là giấy phép bán hàng). Trường hợp hàng hóa của gói thầu là hàng hóa đặc thù, phức tạp cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ liên quan khác, hồ sơ mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng nhưng việc yêu cầu về giấy phép bán hàng phải được người có thẩm quyền chấp thuận.

Trường hợp nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý của nhà sản xuất thực hiện một hoặc các hành vi sau mà không có lý do chính đáng: không cung cấp giấy phép bán hàng; cung cấp giấy phép bán hàng sau đó rút giấy phép này; chỉ cung cấp giấy phép bán hàng cho một hoặc một số nhà thầu làm hạn chế cạnh tranh; thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh khác thì nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương. Trong văn bản phải nêu cụ thể hành vi của nhà sản xuất, văn phòng đại diện, đại lý của nhà sản xuất cùng với tài liệu chứng minh. Nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý của nhà sản xuất bị nhà thầu, chủ đầu tư phản ánh được phản hồi thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

1.2.3. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Điều 25 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu như sau:

- Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.
- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

2.1. Mời thầu

Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về mời thầu như sau:

- Thông báo mời thầu được áp dụng đối với trường hợp không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn và bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời thầu; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải thông báo mời thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Trường hợp gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thư mời thầu được gửi đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

2.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu

Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu như sau:

- Hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo hồ sơ mời thầu sửa đổi và các nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

- Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trong văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu không được nêu tên của nhà thầu có đề nghị làm rõ hồ sơ mời

thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về nội dung hồ sơ mời thầu. Thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Bên mời thầu phải lập biên bản ghi nhận các nội dung trong hội nghị tiền đấu thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu được coi là văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu.

Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định đối với trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu.

- Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

2.3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu

Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu như sau:

- Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Hồ sơ dự thầu hoặc bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự thầu đã nộp đều không hợp lệ và không được xem xét, trừ tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất của nhà thầu.

- Chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia không được tiết lộ thông tin trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu.

- Khi có yêu cầu sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị gửi bên mời thầu. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu của nhà thầu nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.

2.4. Mở thầu

Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về mở thầu như sau:

- Việc mở thầu phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các hồ sơ dự thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự: kiểm tra niêm phong; mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu; tham dự đọc lập hay liên danh; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; thời gian thực hiện gói thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan.

- Biên bản mở thầu: Các thông tin được đọc tại thời điểm mở hồ sơ phải được ghi vào biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng hồ sơ dự thầu.

3. Đánh giá hồ sơ dự thầu:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu

Điều 27 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

(1) Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu; trường hợp hồ sơ mời thầu nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng thì các nội dung này không phải căn cứ để xem xét đánh giá hồ sơ dự thầu.

(2) Trường hợp nhân sự chủ chốt (*trừ nhân sự chủ chốt thực hiện phần công việc tư vấn (E) trong gói thầu EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay*), thiết bị chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (*bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này*) thì bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được

bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực thì không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận trong hoạt động đấu thầu và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm.

(3) Trường hợp hợp đồng tương tự mà nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung, thay thế hợp đồng tương tự khác để đánh giá trong một khoảng thời gian phù hợp.

(4) Đối với gói thầu chia phần, việc đánh giá hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần; đối với gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế (nếu có).

(5) Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại, nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm.

(6) Sai khác, đặt điều kiện, bỏ sót nội dung trong hồ sơ dự thầu:

- Sai khác là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu; đặt điều kiện là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu; bỏ sót nội dung là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu.

- Với điều kiện hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong hồ sơ dự thầu.

- Với điều kiện hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong hồ sơ dự thầu liên quan đến các yêu cầu về

tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.

- Với điều kiện hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các hồ sơ dự thầu.

(7) Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một trong các tiêu chí đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính hoặc hồ sơ dự thầu có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến hồ sơ dự thầu bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác.

(8) Chủ đầu tư, bên mời thầu không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế FEED; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.

3.2. Làm rõ hồ sơ dự thầu

Sau khi mở thầu, trường hợp bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(1) Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, nhân sự, thiết bị thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm.

(2) Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.

(3) Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

(4) Việc làm rõ hồ sơ dự thầu được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần làm rõ. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

(5) Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

3.3. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

Điều 29 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch như sau:

- Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

+ Lỗi số học bao gồm nhưng lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

+ Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi.

+ Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có).

+ Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu

trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp, trừ gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói.

+ Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:

+ Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu xây lắp:

Đối với gói thầu xây lắp không áp dụng loại hợp đồng trọn gói, nhà thầu phải ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá dự thầu. Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc như yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì hạng mục công việc này không được coi là chào thiếu, đơn giá phân công việc này được coi là đã phân bổ vào đơn giá của các công việc khác trong bảng giá dự thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng.

Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thiếu về phạm vi cung cấp, để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu và có đơn giá dự thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thừa về phạm vi cung cấp.

Đối với gói thầu xây lắp áp dụng loại hợp đồng trọn gói, giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế, yêu cầu kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu và không tiến hành hiệu chỉnh trong trường hợp phạm vi công việc mà nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu khác so với yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong hồ sơ mời thầu (*ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế*). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong hồ sơ mời thầu sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thừa về phạm vi cung cấp.

+ Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn:

Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thiếu về phạm vi cung cấp để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thừa về phạm vi cung cấp.

+ Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

- Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

- Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp vẫn được xếp hạng thứ nhất và hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).

- Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

3.4. Kiểm tra và đánh giá hồ sơ dự thầu

3.4.1. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu

Khoản 1, 2 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu như sau:

- *Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:*

+ Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: đơn dự thầu; thỏa thuận liên danh (nếu có); giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu.

+ Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

- *Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:* Hồ sơ dự thầu của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu được quy định tại hồ sơ mời thầu.

3.4.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm như sau:

- Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thì không phải đáp ứng một số yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường

3.4.3. Đánh giá về kỹ thuật và tài chính

Khoản 4 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá về kỹ thuật và tài chính như sau:

- Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất (đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc có giá đánh giá thấp nhất (đối với phương pháp giá đánh giá) được xếp hạng thứ nhất. Thụ giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

3.4.4. Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu

Khoản 5 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu như sau:

Tổ chuyên gia lập báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu gửi bên mời thầu xem xét, trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu.
- Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.
- Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà thầu.
- Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.
- Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh,

công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

- Những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

- Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

4. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có)

Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

- Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà thầu gồm các nội dung: Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu; danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu; danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà thầu; tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng; nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung cần lưu ý (nếu có). Trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

- Kết quả lựa chọn nhà thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.

- Kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

+ Tên nhà thầu trúng thầu.

+ Giá trúng thầu.

+ Loại hợp đồng.

+ Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự.

+ Các nội dung cần lưu ý (nếu có).

- Trường hợp hủy thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

+ Tên nhà thầu trúng thầu.

+ Giá trúng thầu.

+ Loại hợp đồng.

+ Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự.

+ Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

+ Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn:

Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

Trường hợp nhà thầu có kiến nghị đến chủ đầu tư, người có thẩm quyền về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc về kết quả lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, người có thẩm quyền trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị.

5. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng

Điều 32 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về hoàn thiện, ký kết hợp đồng như sau:

- Chủ đầu tư, bên mời thầu mời nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên tiến hành hoàn thiện dự thảo

văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). Việc hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

- + Mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu.
- + Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt.
- + Các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu.
- + Các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có).
- + Các nội dung cần được hoàn thiện trong hợp đồng.
- Kết quả hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá thì giá hợp đồng là giá trị sau giảm giá.
- Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký hợp đồng thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

6. Quản lý thực hiện hợp đồng

Điều 33 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về quản lý thực hiện hợp đồng như sau:

- Quản lý thực hiện hợp đồng bao gồm các nội dung: tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý việc thực hiện hợp đồng.
- Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy. Đối với gói thầu có nội dung cung cấp hàng hóa, chủ đầu tư còn phải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp theo quy định.

II. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ KHÔNG QUA MẠNG ĐỐI VỚI GÓI THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP THEO PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp theo

phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được quy định tại các Điều từ Điều 34 đến Điều 44 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

1.1. Lựa chọn danh sách ngắn (nếu cần thiết) *(nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).*

1.2. Lập hồ sơ mời thầu

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu nêu tại tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết về danh sách hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Hồ sơ mời thầu phải quy định nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu, bao gồm:

+ Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Có bản gốc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.

Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi

cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất về kỹ thuật với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh.

Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

+ Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính:

Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính;

Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm:

+ Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

- + Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.
- + Xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất).
- + Tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá).
- + Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (đối với trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá).

Đối với gói thầu đã thực hiện sơ tuyển, hồ sơ mời thầu không cần quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu nhưng phải yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về năng lực của nhà thầu.

- Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa bao gồm:

- + Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu).

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định nêu trên thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thì không phải đáp ứng một số yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Nhà thầu là hộ kinh doanh không phải nộp báo cáo tài chính, không phải đáp ứng yêu cầu về giá trị tài sản ròng.

- + Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ

bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật từ 80% đến 90% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật; đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định (*gồm: tiến độ thực hiện hợp đồng; chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do; thông tin về quá trình thực hiện hợp đồng; các thông tin khác (nếu cần thiết)*) và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập hồ sơ mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa; mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa; khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường; tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết; các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; tiến độ cung cấp hàng hóa; yếu tố thân thiện môi trường; thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định; các yếu tố cần thiết khác.

- Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp bao gồm:

+ Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị thi công chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); năng lực tài chính: giá trị tài sản ròng, doanh thu; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung nêu trên thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

+ Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung về khả năng đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ thiết kế, phạm vi công việc, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập hồ sơ mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm: tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công; tiến độ thi công; cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động; mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có); thông

tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; các yếu tố cần thiết khác.

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà hồ sơ mời thầu yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong hồ sơ mời thầu.

- *Việc xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất):* Xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh sai lệch; trừ giá trị giảm giá (nếu có); chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có); xác định giá trị ưu đãi (nếu có); so sánh giữa các hồ sơ dự thầu để xác định giá thấp nhất.

- *Tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa:*

Công thức xác định giá đánh giá:

$$GDG = G \pm \Delta G + \Delta UĐ$$

Trong đó:

G = (giá dự thầu \pm giá trị sửa lỗi \pm giá trị hiệu chỉnh sai lệch) - giá trị giảm giá (nếu có).

ΔG là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa bao gồm: thời gian giao hàng; tiến độ thanh toán; chi phí cho các hạng mục vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian đầu; khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng cho hàng hóa được chào trong hồ sơ dự thầu tại địa điểm dự án; chi phí vòng đời sử dụng; hiệu suất và công suất của thiết bị; các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; chất lượng hàng hóa đã được sử dụng được công khai theo quy định, bao gồm cả việc xem xét xuất xứ; các yếu tố khác (nếu có).

$\Delta UĐ$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định về ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.

- *Tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá) đối với gói thầu xây lắp:*

Công thức xác định giá đánh giá:

$$GDG = G \pm \Delta G + \Delta UĐ$$

Trong đó:

G = (giá dự thầu \pm giá trị sửa lỗi \pm giá trị hiệu chỉnh sai lệch) - giá trị giảm giá (nếu có).

ΔG là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của công trình bao gồm: tiến độ hoàn thành công trình; chi phí vòng đời trong toàn bộ quá trình sử dụng của công trình; chi phí lãi vay (nếu có); các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định; các yếu tố khác (nếu có).

$\Delta UĐ$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định về ưu đãi đối với đấu thầu quốc tế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, xây lắp, hỗn hợp.

- Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (đối với trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

+ Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được áp dụng đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá trên cơ sở xác định điểm tổng hợp.

Điểm tổng hợp được xác định như sau:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = \left(\frac{G_{\text{thấp nhất}}}{G_{\text{đang xét}}} \times T + \frac{\text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}}}{\text{Điểm kỹ thuật}_{\text{cao nhất}}} \times K \right) \times 100$$

Trong đó:

Điểm kỹ thuật đang xét: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật của hồ sơ dự thầu đang xét;

Điểm kỹ thuậtcao nhất: là số điểm kỹ thuật cao nhất trong số các hồ sơ dự thầu đáp ứng về kỹ thuật;

$G_{\text{thấp nhất}}$: là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất của các hồ sơ dự thầu đáp ứng về kỹ thuật;

$G_{\text{đang xét}}$: là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ dự thầu đang xét;

K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp;

T: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp;

$K + T = 100\%$. Tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) và về giá (T) phải được xác định cụ thể trong hồ sơ mời thầu.

+ Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa kỹ thuật và giá. Tùy theo quy mô, tính chất của từng gói thầu cần xác định tỷ trọng điểm về kỹ thuật và tỷ trọng điểm về giá cho phù hợp, bảo đảm tỷ trọng điểm về kỹ thuật cộng với tỷ trọng điểm về giá bằng 100% theo nguyên tắc sau: i) Đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp: Tỷ trọng điểm về kỹ

thuật (K) từ 10% đến 30%, tỷ trọng điểm về giá (T) từ 70% đến 90%; ii) Đối với gói thầu mua thuốc: tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) từ 30% đến 40%, tỷ trọng điểm về giá (T) từ 60% đến 70%.

+ Trường hợp cần ưu tiên về yếu tố kỹ thuật so với yếu tố về giá, chủ đầu tư trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) và tỷ trọng điểm về giá (T) nhưng đảm bảo tỷ trọng điểm về kỹ thuật không vượt quá 50%.

- *Quy định về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa:*

+ Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ; không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, trừ các trường hợp sau: i) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này; ii) Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Trường hợp gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác và đáp ứng đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế để lựa chọn nhà thầu thì hồ sơ mời thầu được quy định về xuất xứ, nhãn hiệu của hàng hóa; iii) Ưu đãi trong mua thuốc.

Đối với trường hợp hồ sơ mời thầu có quy định về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà không bao gồm xuất xứ Việt Nam thì hàng hóa xuất xứ Việt Nam vẫn được xem xét, đánh giá.

+ Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có).

- *Quy định về việc sử dụng lao động:* Đối với đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu phải quy định sử dụng lao động trong nước đối với những vị trí công việc mà lao động trong nước đáp ứng được và có khả năng cung cấp, đặc biệt là lao động

phổ thông. Chỉ được sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước không đáp ứng yêu cầu. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu về sử dụng lao động thì bị loại.

- *Quy định về tùy chọn mua thêm:* Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu có quy định về tùy chọn mua thêm thì hồ sơ mời thầu phải quy định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ tối đa thuộc tùy chọn mua thêm phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

- Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn và gói thầu hỗn hợp, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và theo quy định để xác định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá); tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (đối với trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) cho phù hợp.

- *Quy định về giấy phép bán hàng:*

Hồ sơ mời thầu không được đưa ra yêu cầu về cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau đây gọi là giấy phép bán hàng). Trường hợp hàng hóa của gói thầu là hàng hóa đặc thù, phức tạp cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ liên quan khác, hồ sơ mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng nhưng việc yêu cầu về giấy phép bán hàng phải được người có thẩm quyền chấp thuận.

Trường hợp nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý của nhà sản xuất thực hiện một hoặc các hành vi sau mà không có lý do chính đáng: không cung cấp giấy phép bán hàng; cung cấp giấy phép bán hàng sau đó rút giấy phép này; chỉ cung cấp giấy phép bán hàng cho một hoặc một số nhà thầu làm hạn chế cạnh tranh; thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh khác thì nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương. Trong văn bản phải nêu cụ thể hành vi của nhà sản xuất, văn phòng đại diện, đại lý của nhà sản xuất cùng với tài liệu chứng minh. Nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý của nhà sản xuất bị nhà thầu, chủ đầu tư phản ánh được phản hồi thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

1.3. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu:

Điều 37 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu như sau:

- Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.
- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

2.1. Mời thầu

Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về mở thầu như sau:

- Thông báo mời thầu được áp dụng đối với trường hợp không tiến hành thủ tục lựa chọn danh sách ngắn và được bên mời thầu đăng tải theo quy định; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải thông báo mời thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

2.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 2.3 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.4. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Khoản 4 Điều 38 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật như sau:

- Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.

- Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây: kiểm tra niêm phong; mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu, các thông tin khác liên quan.

- Các thông tin được đọc tại thời điểm mở hồ sơ phải được ghi vào biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Biên bản này phải được đại diện của bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ký xác nhận và được gửi cho

các nhà thầu tham dự thầu, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- Hồ sơ đề xuất về tài chính của tất cả các nhà thầu được bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ký niêm phong.

3. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

3.1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo các nguyên tắc (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

Đối với gói thầu chia phần, việc đánh giá hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); tổng điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) và giá đề nghị trúng thầu của các gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần; đối với gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế (nếu có).

3.2. Làm rõ hồ sơ dự thầu; sửa lỗi và hiệu chỉnh hồ sơ dự thầu (nêu tại khoản 3.2, 3.3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

3.3. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Khoản 1, 2 Điều 40 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật như sau:

- Nội dung kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

- + Các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- + Tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đã được quy định trong hồ sơ mời thầu.

3.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với gói thầu đã thực hiện sơ tuyển, không tiến hành đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Khoản 3, 4 Điều 40 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm:

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:
 - + Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.
 - + Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.
 - + Đối với gói thầu có sơ tuyển, nhà thầu đã vượt qua bước sơ tuyển, có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, có năng lực được cập nhật đáp ứng yêu cầu của gói thầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thì không phải đáp ứng một số yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

- Đánh giá về kỹ thuật:
 - + Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.
 - + Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính.

3.4. Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được chủ đầu tư phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật. Bên mời thầu thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng và nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nêu lý do nhà thầu không đáp ứng đồng thời mời tất cả các nhà thầu tham dự thầu đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Bên mời thầu phải đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật trên Hệ thống mạng đấu

thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách này.

4. Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính

4.1. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Điều 41 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính, như sau:

- Bên mời thầu kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính.
- Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính được thực hiện như sau:

+ Chỉ mở hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về tài chính, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.

+ Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính được thực hiện đối với từng hồ sơ đề xuất về tài chính theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: kiểm tra niêm phong; đọc điểm kỹ thuật của các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm); mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính, đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), các thông tin khác liên quan.

- Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính:

+ Các thông tin về việc kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính và việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính phải được ghi vào biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà thầu tham dự mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của hồ sơ đề xuất về tài chính.

4.2. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính

Khoản 1, 2 Điều 42 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính như sau:

- Nội dung kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính:

- + Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính.
- + Các thành phần của hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính; bảng giá dự thầu; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính.
- + Tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính.

- Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính:

Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính đã được quy định trong hồ sơ mời thầu.

4.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu):

Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về tài chính hợp lệ được đánh giá chi tiết về tài chính. Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như sau:

- Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu. Thụ giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

- Sau khi hình thành danh sách xếp hạng nhà thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo gồm các nội dung: danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng; danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu; nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

5. Thương thảo hợp đồng (nếu có)

Điều 43 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về thương thảo hợp đồng như sau:

- Trường hợp gói thầu áp dụng thương thảo hợp đồng, nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng.

- Căn cứ thương thảo hợp đồng, bao gồm:

- + Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.
- + Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu.
- + Hồ sơ mời thầu bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nếu có).
- Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:
 - + Không thương thảo các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
 - + Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính.
- Nội dung thương thảo hợp đồng:
 - + Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.
 - + Các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế.
 - + Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất hoặc đã được thay thế một lần, trừ trường hợp do thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn so với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.
 - + Các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.
 - + Các nội dung cần thiết khác.
 - Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).
 - Sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.

Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

- + Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu.
- + Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.
- + Kết quả thương thảo hợp đồng.
- + Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu.
- + Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.
- + Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.
- + Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.
- + Những nội dung cần lưu ý (nếu có).
- Trường hợp nhà thầu tham gia thương thảo nhưng không tiến hành thương thảo theo đúng nguyên tắc và nội dung quy định hoặc đã tiến hành thương thảo nhưng không ký biên bản thương thảo hợp đồng nhằm mục đích rút khỏi việc trúng thầu hoặc gây bất lợi cho chủ đầu tư thì nhà thầu bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.
- Nhà thầu được quyền từ chối thương thảo và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong trường hợp bên mời thầu, chủ đầu tư không tiến hành thương thảo theo nguyên tắc và nội dung quy định.
- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

6. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu (nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

7. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng (nêu tại Khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

III. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ KHÔNG QUA MẠNG ĐỐI VỚI GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP THEO PHƯƠNG THỨC HAI GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ được quy định tại các Điều từ Điều 45 đến Điều 50 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một

1.1. Lựa chọn danh sách ngắn (nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

1.2. Lập hồ sơ mời thầu giai đoạn một:

Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định lập hồ sơ mời thầu giai đoạn một như sau:

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu (nêu tại tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Hồ sơ mời thầu giai đoạn một bao gồm các nội dung sau đây: Thông tin tóm tắt về dự án, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn một; yêu cầu kỹ thuật của gói thầu căn cứ thiết kế cơ sở hoặc thông số kỹ thuật đã được phê duyệt; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của gói thầu.

Hồ sơ mời thầu phải cho phép nhà thầu được đề xuất phương án thay thế cho phương án kỹ thuật đã chào trong hồ sơ dự thầu, không yêu cầu nhà thầu đề xuất về giá dự thầu và bảo đảm dự thầu.

1.3. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.

- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức đấu thầu giai đoạn một

2.1. Mời thầu (nêu tại điểm 2.1 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 2.3 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.4. Mở thầu (nêu tại điểm 2.4 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

Biên bản mở thầu giai đoạn một không bao gồm các thông tin về bảo đảm dự thầu, giá dự thầu và giá trị giảm giá (nếu có) của các nhà thầu.

3. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

- Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

4. Trình, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một

Việc trình, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

5. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai

5.1. Trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn một

Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về việc trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn một như sau:

Bên mời thầu mời từng nhà thầu thuộc danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một để làm rõ các nội dung về hồ sơ đề xuất kỹ thuật. Việc làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật bao gồm các yêu cầu cần điều chỉnh về kỹ thuật so với đề xuất của nhà thầu tại giai đoạn một và các ý kiến góp ý về nội dung của hồ sơ mời thầu, phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu. Nội dung làm rõ được bên mời thầu và từng nhà thầu lập thành biên bản. Bên mời thầu phải bảo đảm thông tin trong hồ sơ dự thầu giai đoạn một của các nhà thầu không bị tiết lộ.

Trên cơ sở nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật với từng nhà thầu, bên mời thầu tổng hợp, báo cáo chủ đầu tư các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác của hồ sơ mời thầu giai đoạn một. Chủ đầu tư có trách nhiệm xem xét, quyết định các nội dung điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở đề xuất của bên mời thầu.

5.2. Lập hồ sơ mời thầu giai đoạn hai

Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về lập hồ sơ mời thầu giai đoạn hai như sau:

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:
- + Căn cứ lập hồ sơ mời thầu nêu tại tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.
- + Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.
- + Hồ sơ mời thầu giai đoạn hai phải căn cứ vào nội dung đã được chủ đầu tư quyết định điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác của hồ sơ mời thầu giai đoạn một.

- Nội dung hồ sơ mời thầu: Hồ sơ mời thầu bao gồm các nội dung sau đây: chỉ dẫn nhà thầu, tùy chọn mua thêm (nếu có); bảng dữ liệu đấu thầu; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; kỹ thuật; tài chính, thương mại; thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu và chất lượng hàng hóa tương tự đã sử dụng; biểu mẫu mời thầu và dự thầu; phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật; điều kiện và biểu mẫu hợp đồng; các hồ sơ, bản vẽ và nội dung khác (nếu có).

5.3. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu như sau:

- Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.
- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

5.4. Tổ chức đấu thầu:

Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định tổ chức đấu thầu như sau:

- Hồ sơ mời thầu giai đoạn hai được phát hành cho các nhà thầu trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một.

- Việc sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu giai đoạn hai (nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 2.3 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

5.5. Mở thầu (nêu tại điểm 2.4 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

6. Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn hai

- Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 3.4 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

7. Thương thảo hợp đồng

Khoản 1, 2 Điều 50 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về thương thảo hợp đồng như sau:

Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Trường hợp gói thầu áp dụng thương thảo hợp đồng, nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng.

- Căn cứ thương thảo hợp đồng, bao gồm:

+ Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu.

+ Hồ sơ mời thầu bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nếu có).

- Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

+ Không thương thảo các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

+ Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính.

- Nội dung thương thảo hợp đồng:

+ Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế.

+ Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất hoặc đã được thay thế một lần, trừ trường hợp do thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn so với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

+ Các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

+ Các nội dung cần thiết khác.

- Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

- Sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi chủ đầu tư phê duyệt theo quy định. Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

+ Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu.

+ Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.

+ Kết quả thương thảo hợp đồng.

+ Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu.

+ Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

+ Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh,

công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

+ Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

+ Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

- Trường hợp nhà thầu tham gia thương thảo nhưng không tiến hành thương thảo theo đúng nguyên tắc và nội dung quy định hoặc đã tiến hành thương thảo nhưng không ký biên bản thương thảo hợp đồng nhằm mục đích rút khỏi việc trúng thầu hoặc gây bất lợi cho chủ đầu tư thì nhà thầu bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

- Nhà thầu được quyền từ chối thương thảo và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong trường hợp bên mời thầu, chủ đầu tư không tiến hành thương thảo theo nguyên tắc và nội dung quy định.

- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

8. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu (nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

9. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng (nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

IV. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ KHÔNG QUA MẠNG ĐỐI VỚI GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP THEO PHƯƠNG THỨC HAI GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ được quy định tại các Điều từ Điều 51 đến Điều 58 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một

1.1. Lựa chọn danh sách ngắn (nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

1.2. Lập hồ sơ mời thầu giai đoạn một:

- Căn cứ lập hồ sơ (nêu tại tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Hồ sơ mời thầu giai đoạn một bao gồm các nội dung sau đây: thông tin tóm tắt về dự án, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn một; yêu cầu kỹ thuật của gói thầu căn cứ thiết kế cơ sở hoặc thông số kỹ thuật đã được phê duyệt; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của gói thầu. Hồ sơ mời thầu phải cho phép nhà thầu được đề xuất phương án thay thế cho phương án kỹ thuật đã chào trong hồ sơ dự thầu, không yêu cầu nhà thầu đề xuất về giá dự thầu và bảo đảm dự thầu.

1.3. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.
- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức đấu thầu giai đoạn một

2.1. Mời thầu (nêu tại điểm 2.1 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 2.3 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

2.4. Mở thầu (nêu tại điểm 2.4 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

Biên bản mở thầu giai đoạn một không bao gồm các thông tin về bảo đảm dự thầu, giá dự thầu và giá trị giảm giá của các nhà thầu.

3. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

- Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu (nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

4. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một

Việc trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

5. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai

5.1. Trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn một

Bên mời thầu mời từng nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đã được phê duyệt đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một để làm rõ các nội dung về hồ sơ đề xuất kỹ thuật. Việc làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật bao gồm các yêu cầu cần điều chỉnh về kỹ thuật so với đề xuất của nhà thầu tại giai đoạn một và các ý kiến góp ý về nội dung của hồ sơ mời thầu, phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu. Nội dung làm rõ được bên mời thầu và từng nhà thầu lập thành biên bản. Bên mời thầu phải bảo đảm thông tin trong hồ sơ dự thầu giai đoạn một của các nhà thầu không bị tiết lộ.

Trên cơ sở nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật với từng nhà thầu, bên mời thầu tổng hợp, báo cáo chủ đầu tư các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác của hồ sơ mời thầu giai đoạn một. Chủ đầu tư có trách nhiệm xem xét, quyết định các nội dung điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở đề xuất của bên mời thầu.

5.2. Lập hồ sơ mời thầu giai đoạn hai:

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:

+ Căn cứ lập hồ sơ mời thầu (*nêu tại tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này*).

+ Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Hồ sơ mời thầu giai đoạn hai phải căn cứ vào nội dung đã được chủ đầu tư quyết định điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu

cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác của hồ sơ mời thầu giai đoạn một.

- Nội dung hồ sơ mời thầu:

Hồ sơ mời thầu bao gồm các nội dung sau: chỉ dẫn nhà thầu, tùy chọn mua thêm (nếu có); bảng dữ liệu đấu thầu; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; kỹ thuật; tài chính, thương mại; thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu và chất lượng hàng hóa tương tự đã sử dụng; biểu mẫu mời thầu và dự thầu; phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật; điều kiện và biểu mẫu hợp đồng; các hồ sơ, bản vẽ và nội dung khác (nếu có).

5.3. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

- Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy trước khi phê duyệt.

- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

5.4. Tổ chức đấu thầu:

- Hồ sơ mời thầu giai đoạn hai được phát hành cho các nhà thầu trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một. Việc sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu giai đoạn hai nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu:

Việc chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 2.3 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này. Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu. Hồ sơ đề xuất tài chính được chào tương ứng theo phương án đề xuất kỹ thuật chính của nhà thầu; trường hợp nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì phải gửi kèm theo phần đề xuất tài chính cho phương án thay thế này.

5.5. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật nêu tại điểm 2.4 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

6. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật giai đoạn hai

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo các nguyên tắc nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu theo nội dung nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

7. Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật giai đoạn hai

Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật giai đoạn hai thực hiện theo quy định. Bên mời thầu thông báo, đăng tải danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày danh sách này được phê duyệt và tiến hành mở hồ sơ đề xuất về tài chính đối với các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

8. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính giai đoạn hai

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo các nguyên tắc nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

+ Nội dung kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính: Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính; các thành phần của hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính; bảng giá dự thầu; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính; tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính.

+ Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính:

Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính đã được quy định trong hồ sơ mời thầu.

+ Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu):

Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

Sau khi hình thành danh sách xếp hạng nhà thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo gồm các nội dung: danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng; danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu; nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh

bach và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

9. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng, bao gồm:

9.1. Thương thảo hợp đồng

Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Trường hợp gói thầu áp dụng thương thảo hợp đồng, nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng.

- Căn cứ thương thảo hợp đồng, bao gồm:

+ Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu.

+ Hồ sơ mời thầu bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nếu có).

- Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

+ Không thương thảo các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

+ Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính.

- Nội dung thương thảo hợp đồng:

+ Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế.

+ Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất hoặc đã được thay thế một lần, trừ trường hợp do thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn so với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

+ Các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

+ Các nội dung cần thiết khác.

- Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

- Sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi chủ đầu tư phê duyệt theo quy định. Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

+ Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu.

+ Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.

+ Kết quả thương thảo hợp đồng.

+ Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu.

+ Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

+ Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

+ Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

+ Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

- Trường hợp nhà thầu tham gia thương thảo nhưng không tiến hành thương thảo theo đúng nguyên tắc và nội dung quy định hoặc đã tiến hành thương thảo

nhưng không ký biên bản thương thảo hợp đồng nhằm mục đích rút khỏi việc trúng thầu hoặc gây bất lợi cho chủ đầu tư thì nhà thầu bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

- Nhà thầu được quyền từ chối thương thảo và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong trường hợp bên mời thầu, chủ đầu tư không tiến hành thương thảo theo nguyên tắc và nội dung quy định.

- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

9.2. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực (nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

9.3. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng (nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

V. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ KHÔNG QUA MẠNG ĐỐI VỚI GÓI THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU LÀ TỔ CHỨC

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trường hợp nhà thầu là tổ chức được quy định tại các Điều từ Điều 59 đến Điều 70 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

1.1. Lựa chọn danh sách ngắn (nếu cần thiết)

Điều 60 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định lựa chọn danh sách ngắn, như sau:

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, người có thẩm quyền quyết định áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn phải được ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Đối với đấu thầu rộng rãi:

+ Lập hồ sơ mời quan tâm:

Hồ sơ mời quan tâm bao gồm các nội dung: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ quan tâm; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ quan tâm; tiêu chuẩn về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn về nhân sự (nếu có). Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ quan tâm được xây dựng trên cơ sở sử dụng phương pháp chấm điểm, trong đó quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu không thấp hơn 60% tổng số điểm.

+ Hồ sơ mời quan tâm được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.

+ Việc phê duyệt hồ sơ mời quan tâm được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời quan tâm.

+ Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời quan tâm; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông báo mời quan tâm bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

+ Hồ sơ mời quan tâm được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

+ Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ quan tâm đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả mời quan tâm.

+ Mở và đánh giá hồ sơ quan tâm:

Hồ sơ quan tâm được nộp trong thời hạn và địa điểm quy định tại hồ sơ mời quan tâm sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ quan tâm phải được lập thành biên bản, gửi cho các nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu. Hồ sơ quan tâm được gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại.

Việc đánh giá hồ sơ quan tâm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời quan tâm. Hồ sơ quan tâm của nhà thầu có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn; hồ sơ quan tâm của nhà thầu có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất; trường hợp có nhiều hơn 06 nhà thầu đạt yêu cầu thì lựa chọn 06 nhà thầu xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.

+ Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả mời quan tâm:

Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả mời quan tâm, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

Kết quả mời quan tâm được thẩm định theo quy định và được phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả mời quan tâm bao gồm tên các nhà thầu được lựa chọn vào danh sách ngắn và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả mời quan tâm phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

+ Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải danh sách ngắn (*Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải danh sách ngắn bằng tiếng Việt và tiếng Anh*) và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm.

- Đối với đấu thầu hạn chế:

+ Xác định, phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư xử lý theo một trong hai cách sau đây: i) Tiến hành lựa chọn bổ sung nhà thầu vào danh sách ngắn; ii) Cho phép phát hành ngay hồ sơ mời thầu cho nhà thầu trong danh sách ngắn.

+ Sau khi phê duyệt, Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải danh sách ngắn (*Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải Danh sách ngắn bằng tiếng Việt và tiếng Anh*).

- Các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự thầu; trường hợp liên danh với nhà thầu ngoài danh sách ngắn thì phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu.

1.2. Lập hồ sơ mời thầu

Điều 61 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định lập hồ sơ mời thầu như sau:

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:

+ Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt (nếu có).

+ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

+ Phạm vi, yêu cầu về công việc; yêu cầu về kinh nghiệm và nhân sự của tư vấn và các yêu cầu cần thiết khác (nếu có).

+ Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế, thỏa thuận vay (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi.

+ Các quy định của pháp luật về thuế, phí, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu;

+ Các căn cứ liên quan khác.

- Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết về danh sách hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Hồ sơ mời thầu quy định nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu, bao gồm:

+ Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

Có bản gốc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế;

Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu;

Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất về kỹ thuật với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

+ Hồ sơ đề xuất về tài chính được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính.

Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không đề xuất các

giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.

Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm: tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (đối với trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá).

- Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: sử dụng phương pháp chấm điểm, gồm:

+ Kinh nghiệm và năng lực nhà thầu: từ 0% đến 15% tổng số điểm.

+ Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (*gồm: tiến độ thực hiện hợp đồng; chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do; thông tin về quá trình thực hiện hợp đồng; các thông tin khác (nếu cần thiết)*): 5% tổng số điểm.

+ Giải pháp và phương pháp luận để thực hiện gói thầu: từ 30% đến 40% tổng số điểm.

+ Nhân sự thực hiện gói thầu: từ 50% đến 60% tổng số điểm.

+ Tùy theo tính chất của gói thầu, hồ sơ mời thầu có thể yêu cầu về chuyển giao công nghệ với tỷ trọng điểm từ 0% đến 10% tổng số điểm.

+ Tổng tỷ trọng điểm của các nội dung (*gồm: Kinh nghiệm và năng lực nhà thầu; uy tín của nhà thầu; giải pháp và phương pháp luận để thực hiện gói thầu; nhân sự thực hiện gói thầu; yêu cầu về chuyển giao công nghệ*) bằng 100%.

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có điểm về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm (80% đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù) và điểm của từng nội dung yêu cầu về giải pháp và phương pháp luận, về nhân sự, về chuyển giao công nghệ (nếu có) không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định về điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này.

- Căn cứ quy mô, tính chất gói thầu, hồ sơ mời thầu quy định phương pháp đánh giá về tài chính theo một trong các phương pháp sau đây:

- + Phương pháp giá thấp nhất.
- + Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.
- + Phương pháp dựa trên kỹ thuật.

- Việc xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất): Xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh sai lệch; trừ giá trị giảm giá (nếu có); chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có); xác định giá trị ưu đãi (nếu có); so sánh giữa các hồ sơ dự thầu để xác định giá thấp nhất.

- Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (đối với trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá):

- + Xác định điểm giá:

Sử dụng thang điểm thống nhất với thang điểm về kỹ thuật để xác định điểm giá. Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá đang xét} = \frac{\text{Gthấp nhất} \times (\text{thang điểm kỹ thuật})}{\text{Gđang xét}}$$

Trong đó:

Điểm giá đang xét: Điểm giá của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét;

Gthấp nhất: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

Gđang xét: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét.

- + Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

Điểm tổng hợp đang xét = K x Điểm kỹ thuật đang xét + G x Điểm giá đang xét

Trong đó:

Điểm kỹ thuật đang xét: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật.

Điểm giá đang xét: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá.

K: tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%.

G: tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%.

$$K + G = 100\%.$$

1.3. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu:

Điều 62 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu như sau:

- Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.
- Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

2.1. Mời thầu:

Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định tổ chức lựa chọn nhà thầu như sau:

- Trường hợp gói thầu không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời thầu; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải thông báo mời thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Trường hợp gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thư mời thầu được gửi đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

2.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (*nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này*).

2.3 Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu (*nêu tại điểm 2.3 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này*).

2.4. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (*nhưng không bao gồm nội dung về bảo đảm dự thầu*), cụ thể:

- Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.

- Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây: kiểm tra niêm phong; mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu, các thông tin khác liên quan.

- Các thông tin được đọc tại thời điểm mở hồ sơ được ghi vào biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Biên bản này phải được đại diện của bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ký xác nhận và được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); các nội dung quan trọng của từng hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- Hồ sơ đề xuất về tài chính của tất cả các nhà thầu được bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ký niêm phong.

- Biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

3. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

3.1. Nguyên tắc đánh giá

Điều 64 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu như sau:

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu; trường hợp hồ sơ mời thầu có các nội dung làm hạn chế cạnh tranh (*Nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng*) thì các nội dung này không phải căn cứ để xem xét đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Trường hợp hợp đồng có tính chất tương tự mà nhà thầu đã thực hiện nêu trong hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung, thay thế hợp đồng khác để đánh giá trong thời hạn phù hợp.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại, nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm.

3.2. Làm rõ hồ sơ dự thầu

Điều 65 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định làm rõ hồ sơ dự thầu, như sau:

(1) Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, hợp đồng có tính chất tương tự, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu.

(2) Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng có tính chất tương tự, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.

(3) Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

(4) Việc làm rõ hồ sơ dự thầu được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần làm rõ. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

(5) Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

3.3. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

Điều 66 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch như sau:

- Đối với các loại hợp đồng (gồm: *Hợp đồng trọn gói; hợp đồng theo đơn giá cố định; hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; hợp đồng theo thời gian; hợp đồng theo chi phí cộng phí; hợp đồng theo kết quả đầu ra; hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm; hợp đồng hỗn hợp*), trường hợp trong hồ sơ đề xuất về tài chính, nhà thầu không chào giá cho một hoặc nhiều hạng mục công việc đã nêu trong hồ sơ đề xuất về kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì nhà thầu được coi là đã chào giá cho các hạng mục công việc này và phân bổ chi phí vào các phần công việc khác của gói thầu.

- Đối với hợp đồng theo thời gian:

+ Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi.

+ Trường hợp có lỗi khi cộng trừ các giá trị ở cột thành tiền để tính toán giá dự thầu thì các giá trị ở cột thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

+ Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp có sự không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá dự thầu ghi bằng số là cơ sở để sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có).

+ Trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.

- Đối với hợp đồng trọn gói:

Trường hợp áp dụng hợp đồng trọn gói, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu, không sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp có sự không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ trong đơn dự thầu thì lấy giá dự thầu ghi bằng chữ, trừ trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ không có nghĩa.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện theo quy định nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó sẽ bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch của bên mời thầu là không phù hợp, không chính xác.

3.4. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Khoản 1, 2 Điều 67 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật như sau:

- Việc kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (*trừ nội dung về tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu*), cụ thể:

+ Các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

+ Tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện đã được quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

3.5. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Khoản 3 Điều 67 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định đánh giá chi tiết hồ sơ về kỹ thuật như sau:

- Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, hồ sơ dự thầu chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì không đáp ứng về kỹ thuật.

- Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) được mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính.

3.6. Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Khoản 4 Điều 67 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được chủ đầu tư phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Bên mời thầu phải thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng và nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nêu rõ lý do không đáp ứng và mời tất cả các nhà thầu tham dự thầu đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Bên mời thầu phải đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật trên

Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách này.

4. Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính

Điều 68 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm:

4.1. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật:

Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Bên mời thầu kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính.
- Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính được thực hiện như sau:
 - + Chỉ mở hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về tài chính, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.

+ Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính được thực hiện đối với từng hồ sơ đề xuất về tài chính theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: kiểm tra niêm phong; đọc điểm kỹ thuật của các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm); mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính, đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), các thông tin khác liên quan.

- Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính:

+ Các thông tin về việc kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính và việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính phải được ghi vào biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà thầu tham dự mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của hồ sơ đề xuất về tài chính.

Lưu ý: Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật, chỉ mở hồ sơ đề xuất của nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất.

4.2. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính.

Việc đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 61 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

Hồ sơ đề xuất về tài chính được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính.
- Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.
- Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

4.3. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu

Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 42 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

- Sau khi hình thành danh sách xếp hạng nhà thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo gồm các nội dung: danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng; danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu; nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

5. Thương thảo hợp đồng

Điều 69 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định thương thảo hợp đồng như sau:

- Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng.

- Căn cứ thương thảo hợp đồng:

+ Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu.

+ Hồ sơ mời thầu bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nếu có).

- Nội dung thương thảo hợp đồng:

+ Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế.

+ Thương thảo về nhân sự:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, trừ trường hợp phải thay thế nhân sự do thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong các trường hợp này, nhân sự dự kiến thay thế phải có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

+ Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

+ Thương thảo về các chi phí liên quan đến dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế.

+ Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

- Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng, điều kiện cụ thể của hợp đồng.

- Sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi chủ đầu tư phê duyệt. Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:

+ Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu.

- + Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.
- + Kết quả thương thảo hợp đồng.
- + Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu.
- + Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.
- + Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.
- + Những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.
- + Những nội dung cần lưu ý (nếu có).
- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

6. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có) (nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

7. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng (nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này).

VI. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ KHÔNG QUA MẠNG ĐỐI VỚI GÓI THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU LÀ CÁ NHÂN

Khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định lựa chọn tư vấn cá nhân được áp dụng khi công việc của gói thầu chỉ yêu cầu một hoặc một số chuyên gia có kinh nghiệm, năng lực thực hiện mà không cần sự tham gia của tổ chức, không yêu cầu các điều kiện để thực hiện công việc như đối với nhà thầu là tổ chức. Quy trình, thủ tục lựa chọn tư vấn cá nhân bao gồm các bước sau đây: (1) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; (2) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; (3) Đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của nhà thầu tư vấn cá nhân; (4) Thương thảo hợp đồng; (5) Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; (6) Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Lưu ý: Khoản 1 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định tư vấn cá nhân có thể bao gồm một hoặc một nhóm chuyên gia. Trường hợp tư vấn là nhóm

chuyên gia thì các chuyên gia cử đại diện để giao dịch với bên mời thầu, chủ đầu tư. Đối với nhóm chuyên gia, trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên trong nhóm chuyên gia phải trực tiếp ký hợp đồng với chủ đầu tư. Việc lựa chọn tư vấn cá nhân được thực hiện theo phương pháp giá cố định trên cơ sở năng lực và kinh nghiệm của tư vấn cá nhân.

1. Lựa chọn nhà thầu là cá nhân theo quy trình thông thường

Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, đối với gói thầu dịch vụ tư vấn cá nhân có giá gói thầu trên 200 triệu đồng, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy trình thông thường, cụ thể như sau:

1.1. Lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu theo quy trình thông thường

Điều 72 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu theo quy trình thông thường như sau:

- Bên mời thầu tổ chức lập điều khoản tham chiếu đối với vị trí tư vấn cá nhân cần tuyển chọn trình chủ đầu tư phê duyệt. Nội dung điều khoản tham chiếu bao gồm:

- + Mô tả tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm.
 - + Yêu cầu về phạm vi, khối lượng, chất lượng và thời gian thực hiện gói thầu.
 - + Yêu cầu về năng lực, trình độ của chuyên gia tư vấn.
 - + Các điều kiện và địa điểm thực hiện hợp đồng.
 - + Giá gói thầu theo phương pháp giá cố định.
 - + Các nội dung cần thiết khác (nếu có).
- Căn cứ tài liệu do bên mời thầu trình, chủ đầu tư xem xét, phê duyệt điều khoản tham chiếu.

1.2. Đăng tải thông báo mời thầu và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình thông thường

Điều 73 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc đăng tải thông báo mời thầu và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình thông thường như sau:

- Sau khi điều khoản tham chiếu được phê duyệt, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu kèm theo điều khoản tham chiếu trên Hệ thống mạng đấu thầu

quốc gia, trong đó nêu rõ thời hạn nhận hồ sơ lý lịch khoa học. Thời gian tối thiểu để tư vấn cá nhân chuẩn bị hồ sơ lý lịch khoa học là 05 ngày làm việc.

Trường hợp cần làm rõ nội dung điều khoản tham chiếu, tổ chức, cá nhân thực hiện làm rõ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Trường hợp sửa đổi điều khoản tham chiếu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo điều khoản tham chiếu sửa đổi và các nội dung sửa đổi điều khoản tham chiếu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

- Nộp hồ sơ lý lịch khoa học:

Tư vấn cá nhân chuẩn bị hồ sơ lý lịch khoa học theo yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật (nếu có) và nộp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học:

Căn cứ nội dung của điều khoản tham chiếu, bên mời thầu đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của từng tư vấn cá nhân. Tư vấn cá nhân có tư cách hợp lệ; có hồ sơ lý lịch khoa học và đề xuất kỹ thuật (nếu có) tốt nhất, đáp ứng yêu cầu của điều khoản tham chiếu được xếp hạng thứ nhất.

- Thương thảo hợp đồng:

Bên mời thầu mời tư vấn cá nhân xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng theo nội dung của điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt bao gồm nội dung về phạm vi công việc, tiến độ thực hiện công việc, yêu cầu về báo cáo công việc, chi phí tư vấn, giá hợp đồng và các nội dung cần thiết khác. Kết quả thương thảo hợp đồng được lập thành biên bản và phải được bên mời thầu và tư vấn cá nhân ký xác nhận.

- Việc phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của các tư vấn cá nhân, kết quả thương thảo hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân, kết quả thương thảo hợp đồng, nội dung của điều khoản tham chiếu và các tài liệu liên quan khác.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

2. Lựa chọn nhà thầu là cá nhân theo quy trình rút gọn

Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, đối với gói thầu dịch vụ tư vấn cá nhân có giá gói thầu không quá 200 triệu đồng, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy trình rút gọn, cụ thể như sau:

2.1. Lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu, danh sách tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn:

Điều 74 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu, danh sách tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn như sau:

- Bên mời thầu tổ chức lập điều khoản tham chiếu đối với vị trí tư vấn cá nhân cần tuyển chọn trình chủ đầu tư phê duyệt. Nội dung điều khoản tham chiếu bao gồm:

- + Mô tả tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm.
 - + Yêu cầu về phạm vi, khối lượng, chất lượng và thời gian thực hiện gói thầu.
 - + Yêu cầu về năng lực, trình độ của chuyên gia tư vấn.
 - + Các điều kiện và địa điểm thực hiện hợp đồng.
 - + Giá gói thầu theo phương pháp giá cố định.
 - + Các nội dung cần thiết khác (nếu có).
- Bên mời thầu xác định danh sách tối thiểu 03 tư vấn cá nhân trình chủ đầu tư phê duyệt.
- Căn cứ tài liệu do bên mời thầu trình, chủ đầu tư xem xét, phê duyệt điều khoản tham chiếu và danh sách tư vấn cá nhân.

2.2. Gửi thư mời và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn

Điều 75 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định việc gửi thư mời và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn như sau:

- Sau khi điều khoản tham chiếu và danh sách tư vấn cá nhân được phê duyệt, bên mời thầu gửi thư mời và điều khoản tham chiếu đến các tư vấn cá nhân có tên trong danh sách, trong đó nêu rõ thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ lý lịch khoa học. Thời gian tối thiểu để tư vấn cá nhân chuẩn bị hồ sơ lý lịch khoa học là 03 ngày làm việc.

- Nộp hồ sơ lý lịch khoa học:

Tư vấn cá nhân chuẩn bị hồ sơ lý lịch khoa học theo yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu và đề xuất kỹ thuật (nếu có) nộp cho bên mời thầu trong thời hạn, địa chỉ nêu tại thư mời.

- Đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học:

Căn cứ nội dung của điều khoản tham chiếu, bên mời thầu đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của từng tư vấn cá nhân. Tư vấn cá nhân có tư cách hợp lệ; có hồ sơ lý lịch khoa học và đề xuất kỹ thuật (nếu có) tốt nhất, đáp ứng yêu cầu của điều khoản tham chiếu được xếp hạng thứ nhất.

- Thương thảo hợp đồng:

Bên mời thầu mời tư vấn cá nhân xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng theo nội dung của điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt bao gồm nội dung về phạm vi công việc, tiến độ thực hiện công việc, yêu cầu về báo cáo công việc, chi phí tư vấn, giá hợp đồng và các nội dung cần thiết khác. Kết quả thương thảo hợp đồng được lập thành biên bản và phải được bên mời thầu và tư vấn cá nhân ký xác nhận.

- Việc phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của các tư vấn cá nhân, kết quả thương thảo hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân, kết quả thương thảo hợp đồng, nội dung của điều khoản tham chiếu và các tài liệu liên quan khác.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

MỤC 3. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH THẦU

Theo khoản 2 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với chỉ định thầu bao gồm các bước sau đây: (1) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; (2) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; (3) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về đề xuất của một hoặc các nhà thầu (nếu có); (4) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; (5) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Đối với trường hợp gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công (*bao gồm: gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng*), người có thẩm quyền có thể quyết định áp dụng quy trình rút gọn bao gồm các bước sau: Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng).

Quy trình chi tiết chỉ định thầu, cụ thể như sau:

I. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH THẦU THÔNG THƯỜNG

1. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

1.1. Các trường hợp thực hiện theo quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu được thực hiện đối với gói thầu sau:

- Gói thầu cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước.
- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác.

- Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay.

- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch xây dựng được chỉ định cho tác giả của ý tưởng hoặc đồ án quy hoạch xây dựng đã trúng tuyển thông qua thi tuyển.

- Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công.

- Gói thầu chỉ có duy nhất một nhà thầu thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ.

- Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hằng năm.

1.2. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

Điều 76 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu như sau:

(1) Việc chỉ định thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Chủ đầu tư quyết định gửi hồ sơ yêu cầu cho một nhà thầu.

(2) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

- *Lập hồ sơ yêu cầu:*

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

- *Trình, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu:* hồ sơ yêu cầu phải được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu.

- *Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu:*

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi có tư cách hợp lệ (gồm: *Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; hạch toán tài chính độc lập; không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đối với nhà thầu nước ngoài, phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu); đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ (gồm: *Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền; có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự*). Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định (gồm: *Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có**

quy định; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự).

(3) Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

- Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu dự kiến chỉ định.
- Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu.

(4) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu:

- Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.

- Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

(5) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

(6) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

2. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu

2.1. Các trường hợp thực hiện theo quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu

Theo khoản 1 Điều 77 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu được thực hiện đối với các gói thầu sau:

- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất

do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác.

- Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay.

- Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công.

- Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hằng năm.

2.2. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu

Điều 77 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu như sau:

Việc chỉ định thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Chủ đầu tư quyết định chọn một nhà thầu dự kiến chỉ định và gửi hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu đó theo *quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu* hoặc xác định, phê duyệt danh sách dự kiến mời nhận hồ sơ yêu cầu gồm nhiều hơn một nhà thầu theo quy trình sau đây:

(1) Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

- *Lập hồ sơ yêu cầu:*

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, xác định giá thấp nhất; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

- *Trình, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu:*

Hồ sơ yêu cầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu.

- *Xác định danh sách nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu:*

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định tối thiểu 03 nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định các nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi có tư cách hợp lệ (*gồm: Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; hạch toán tài chính độc lập; không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đối với nhà thầu nước ngoài, phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu*); đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ (*gồm: Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền; có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự*). Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định (*gồm: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự*).

(2) Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

- Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho các nhà thầu có tên trong danh sách được mời nhận hồ sơ yêu cầu.

- Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu.

(3) Đánh giá và làm rõ hồ sơ đề xuất, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, xếp hạng nhà thầu:

- Hồ sơ đề xuất được đánh giá theo nguyên tắc nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này hoặc các nguyên tắc sau:

+ Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu; trường hợp hồ sơ mời thầu có các nội dung làm hạn chế cạnh tranh (*Nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng*) thì các nội dung này không phải căn cứ để xem xét đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Trường hợp hợp đồng có tính chất tương tự mà nhà thầu đã thực hiện nêu trong hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung, thay thế hợp đồng khác để đánh giá trong thời hạn phù hợp.

+ Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại, nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm.

- Việc làm rõ hồ sơ đề xuất thực hiện theo nội dung nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này hoặc thực hiện như sau:

+ Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, hợp đồng có tính chất tương tự, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu.

+ Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng có tính chất tương tự, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp

nhận những tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.

+ Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

+ Việc làm rõ hồ sơ dự thầu được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần làm rõ. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

+ Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

- Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thực hiện nội dung nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này hoặc thực hiện như sau:

+ Đối với các loại hợp đồng (*gồm: Hợp đồng trọn gói; hợp đồng theo đơn giá cố định; hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; hợp đồng theo thời gian; hợp đồng theo chi phí cộng phí; hợp đồng theo kết quả đầu ra; hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm; hợp đồng hỗn hợp*), trường hợp trong hồ sơ đề xuất về tài chính, nhà thầu không chào giá cho một hoặc nhiều hạng mục công việc đã nêu trong hồ sơ đề xuất về kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì nhà thầu được coi là đã chào giá cho các hạng mục công việc này và phân bổ chi phí vào các phần công việc khác của gói thầu.

+ Đối với hợp đồng theo thời gian: Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi. Trường hợp có lỗi khi cộng trừ các giá trị ở cột thành tiền để tính toán giá dự thầu thì các giá trị ở cột thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp có sự không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá dự thầu ghi bằng số là cơ sở để sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có). Trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực

hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.

+ Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp áp dụng hợp đồng trọn gói, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu, không sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp có sự không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ trong đơn dự thầu thì lấy giá dự thầu ghi bằng chữ, trừ trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ không có nghĩa.

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện theo quy định nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

+ Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó sẽ bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch của bên mời thầu là không phù hợp, không chính xác.

- Việc đánh giá hồ sơ đề xuất thực hiện theo nội dung nêu tại điểm 3.4 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này hoặc thực hiện như sau:

+ Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Việc kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: Các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện đã được quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

+ Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, hồ sơ dự thầu chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì không đáp ứng về kỹ thuật.

Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) được mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính.

+ Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được chủ đầu tư phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Bên mời thầu phải thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng và nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nêu rõ lý do không đáp ứng và mời tất cả các nhà thầu tham dự thầu đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Bên mời thầu phải đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách này.

+ Mở hồ sơ đề xuất về tài chính: Bên mời thầu kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính. Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính được thực hiện như sau: Chỉ mở hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về tài chính, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính được thực hiện đối với từng hồ sơ đề xuất về tài chính theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: kiểm tra niêm phong; đọc điểm kỹ thuật của các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm); mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính, đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính: Các thông tin về việc kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính và việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính phải được ghi vào biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà thầu tham dự mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của hồ sơ đề xuất về tài chính. Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật, chỉ mở hồ sơ đề xuất của nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất.

+ Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính: Hồ sơ đề xuất về tài chính được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau: Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính; có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh; hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

+ Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu: Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà thầu thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá. Sau khi hình thành danh sách xếp hạng nhà thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo gồm các nội dung: danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng; danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu; nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý. Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

- Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định trong hồ sơ yêu cầu.

(4) Thương thảo hợp đồng (nếu có):

Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời thầu mời nhà thầu xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

(5) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu:

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

(6) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc

hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

II. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH THẦU RÚT GỌN

1. Trường hợp chỉ định thầu rút gọn không phải phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Khoản 1, 2 Điều 78 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về chỉ định thầu rút gọn không phải phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, như sau:

- Chỉ định thầu rút gọn không phải phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện đối với các trường hợp sau:

+ Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác.

+ Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại đến tính mạng và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề.

+ Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh hoặc duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường.

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm các bước sau:

+ Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị tương ứng.

+ Hoàn thiện hợp đồng.

+ Trình, phê duyệt kết quả chỉ định thầu.

- + Ký kết hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu.
- + Quản lý thực hiện hợp đồng.
- + Công khai kết quả chỉ định thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Chỉ định thầu rút gọn phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Khoản 3 Điều 78 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chỉ định thầu rút gọn phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu như sau:

- Việc chỉ định thầu rút gọn phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng.

- Quy trình chỉ định thầu rút gọn được thực hiện như sau:

+ Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi Dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

+ Hoàn thiện hợp đồng, trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, bên mời thầu và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để trình, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Việc công khai kết quả chỉ định thầu thực hiện như sau:

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm: Tên nhà thầu trúng thầu; giá trúng thầu; loại hợp đồng; thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự; danh sách nhà thầu không được lựa chọn và

tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu; kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn. Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị đến chủ đầu tư, người có thẩm quyền về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc về kết quả lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, người có thẩm quyền trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị.

+ Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo nội dung nêu tại khoản 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

Lưu ý: Trường hợp chủ đầu tư không áp dụng quy trình rút gọn mà áp dụng quy trình thông thường thì thực hiện theo quy trình chỉ định thầu thông thường.

MỤC 4. QUY TRÌNH CHÀO HÀNG CẠNH TRANH, MUA SẴM TRỰC TIẾP, TỰ THỰC HIỆN, LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU THỰC HIỆN GÓI THẦU CÓ SỰ THAM GIA THỰC HIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

I. QUY TRÌNH CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Theo khoản 3 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh bao gồm các bước sau: (1) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; (2) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; (3) Đánh giá hồ sơ dự thầu; (4) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có); (5) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Quy trình chi tiết chào hàng cạnh tranh được quy định tại Điều 79 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

1.1. Lập hồ sơ mời thầu

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu theo nội dung nêu tại tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này. Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp hồ sơ

mời thầu có các nội dung nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về hành vi nêu điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, dẫn đến nội dung của hồ sơ mời thầu bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu*).

- Nội dung hồ sơ mời thầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn nhà thầu; bảng dữ liệu đấu thầu; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; tiêu chuẩn đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, hồ sơ mời thầu có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu. Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hồ sơ mời thầu không yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thì không phải đáp ứng một số yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh, nhà thầu không phải nộp báo cáo tài chính, không phải đáp ứng yêu cầu về giá trị tài sản ròng.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo

1.2. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Hồ sơ mời thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu và hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải thông báo mời thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đăng tải hồ sơ mời thầu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh.

- Việc sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu thực hiện theo nội dung nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Bên mời thầu tiến hành mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: tên nhà thầu; giá dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; giá trị, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện gói thầu. Biên bản mở thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

3. Đánh giá hồ sơ dự thầu

- Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu nêu tại điểm 3.4 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất hoặc có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá được xếp hạng thứ nhất.

4. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

5. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

II. QUY TRÌNH MUA SẮM TRỰC TIẾP

Khoản 1 Điều 80 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các hàng hóa thuộc gói thầu dự kiến áp dụng mua sắm trực tiếp trong thời gian thực hiện dự án hoặc trong một

năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm; đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu dự kiến áp dụng mua sắm trực tiếp có thời gian thực hiện dài hơn một năm thì chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các hàng hóa thuộc gói thầu đó trong tất cả các năm của dự toán mua sắm.

Theo khoản 4 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp bao gồm các bước sau đây: (1) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; (2) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; (3) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về đề xuất của nhà thầu; (4) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; (5) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Quy trình chi tiết lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 80 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

1.1. Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu bao gồm các nội dung thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm; yêu cầu về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm quy cách kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước đó; yêu cầu về đơn giá của hàng hóa và các nội dung cần thiết khác.

Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó. Khi đó, hồ sơ yêu cầu bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật (*nêu tại tiết 1.2.2 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục I Chương I Tài liệu này*).

1.2. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu đã được lựa chọn trước đó. Trường hợp nhà thầu này không có khả năng tiếp tục thực hiện hoặc không đồng ý thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì chủ đầu tư lựa chọn theo thứ tự ưu tiên: nhà thầu có tên trong danh sách xếp hạng của gói thầu trước đó, nhà thầu khác (*trong trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp*) đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực,

kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.

- Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu.

3. Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

- Đánh giá hồ sơ đề xuất, gồm: kiểm tra các nội dung về kỹ thuật và đơn giá; cập nhật thông tin về năng lực của nhà thầu; trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác nhà thầu trúng thầu trước đó thì bên mời thầu phải đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu đó (*nêu tại điểm 3.4 khoản 3 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này*); đánh giá tiến độ thực hiện, biện pháp cung cấp hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; các nội dung khác (nếu có).

- Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo, làm rõ các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.

Trường hợp tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp có sự thay đổi quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa (bao gồm thuế giá trị gia tăng) của gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt giá trị trước thuế của hàng hóa trong hợp đồng đã ký cộng với thuế giá trị gia tăng tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp.

- Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng các điều kiện (*gồm: Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu; đối với phương pháp giá thấp nhất: có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; đối với phương pháp giá đánh giá: có giá đánh giá thấp nhất; đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: có điểm tổng hợp cao nhất; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt*) và có cùng hãng sản xuất, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu với hàng hóa trúng thầu trước đó.

Trường hợp hàng hóa có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới so với hàng hóa ghi trong hợp đồng thì căn cứ nhu cầu sử dụng, chủ đầu tư được chấp thuận đề xuất của nhà thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Được nhà thầu thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư.

+ Hàng hóa thay thế và hàng hóa ghi trong hợp đồng thuộc cùng hãng sản xuất và có cùng xuất xứ.

+ Hàng hóa thay thế có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng.

+ Phù hợp với nhu cầu sử dụng.

+ Đơn giá của hàng hóa không vượt đơn giá ghi trong hợp đồng.

5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp

- Kết quả lựa chọn nhà thầu được thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt.

- Kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Kết quả lựa chọn nhà thầu phải được công khai theo quy định (*nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này*).

6. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng và quản lý thực hiện hợp đồng

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, quản lý thực hiện hợp đồng nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

III. QUY TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Theo khoản 5 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với tự thực hiện bao gồm các bước sau đây: (1) Chuẩn bị phương án tự thực hiện, bao gồm dự thảo thỏa thuận giao việc; (2) Hoàn thiện phương án tự thực hiện; (3) Phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; (4) Ký kết thỏa thuận giao việc; (5) Quản lý việc thực hiện gói thầu.

Quy trình chi tiết lựa chọn nhà thầu đối với tự thực hiện được quy định tại Điều 81 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị phương án tự thực hiện và dự thảo thỏa thuận giao việc, văn bản giao việc

Phương án tự thực hiện bao gồm yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc; giá trị, thời gian thực hiện; chất lượng công việc cần thực hiện; các điều kiện nghiệm thu, thanh toán; thỏa thuận giao việc hoặc văn bản giao việc đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc đơn vị thuộc mình (sau đây gọi là đơn vị được giao thực hiện gói thầu).

Việc chi trả lương, phụ cấp, chi phí quản lý và các chi phí khác do chủ đầu tư, đơn vị được giao thực hiện gói thầu thỏa thuận.

2. Hoàn thiện phương án tự thực hiện

Chủ đầu tư và đơn vị được giao thực hiện gói thầu thương thảo, hoàn thiện những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất trong phương án tự thực hiện, dự thảo thỏa thuận giao việc, văn bản giao việc và các nội dung cần thiết khác.

3. Phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Ký kết thỏa thuận giao việc, quản lý việc thực hiện gói thầu.

- Tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu tiến hành ký thỏa thuận giao việc với đơn vị được giao thực hiện gói thầu hoặc ban hành văn bản giao việc.

- Trường hợp pháp luật có quy định các nội dung công việc thuộc gói thầu phải được giám sát khi thực hiện thì tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu lựa chọn theo quy định của [Luật Đấu thầu](#) một nhà thầu tư vấn giám sát độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với tổ chức đó để giám sát quá trình thực hiện gói thầu;

- Trường hợp pháp luật không có quy định hoặc không có tư vấn giám sát độc lập quan tâm hoặc không lựa chọn được tư vấn giám sát độc lập do gói thầu được thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, gói thầu có giá gói thầu dưới 01 tỷ đồng thì tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu phải tự tổ chức thực hiện giám sát.

IV. LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

1. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp gói thầu mua thuốc, vắc xin trong quá trình thử nghiệm, có yêu cầu đặc thù của nhà sản xuất về điều kiện mua, thanh toán, bảo lãnh, bảo đảm và điều kiện khác trong quá trình thực hiện hợp đồng và gói thầu mua thuốc, vắc xin, thiết bị y tế thông qua các tổ chức quốc tế

Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp gói thầu mua thuốc, vắc xin trong quá trình thử nghiệm, có yêu cầu đặc thù của nhà sản xuất về điều kiện mua, thanh toán, bảo lãnh, bảo đảm và điều kiện khác trong quá trình thực hiện hợp đồng và gói thầu mua thuốc, vắc xin, thiết bị y tế thông qua các tổ chức quốc tế như sau:

- Cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng Bộ Y tế giao lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- Bộ trưởng Bộ Y tế giao cơ quan, đơn vị trực thuộc thẩm định trước khi xem xét, quyết định.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù đối với một hoặc một số nội dung về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng, điều kiện khác (nếu có) dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu theo các hình thức khác (*gồm: Đấu thầu rộng rãi; đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu; chào hàng cạnh tranh; mua sắm trực tiếp; tự thực hiện; tham gia thực hiện của cộng đồng; đàm phán giá*); dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.

2. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp gói thầu có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ

Khoản 2 Điều 82 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp gói thầu có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ như sau:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Thủ trưởng cơ quan trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

- Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu theo các hình thức khác (*gồm: Đấu thầu rộng rãi; đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu; chào hàng cạnh tranh; mua sắm trực tiếp; tự thực hiện; tham gia thực hiện của cộng đồng; đàm phán giá*); ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ đối với gói thầu, dự án, dự toán mua sắm; ý kiến của các cơ quan liên quan khác (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu theo các hình thức khác (gồm: *Đấu thầu rộng rãi; đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu; chào hàng cạnh tranh; mua sắm trực tiếp; tự thực hiện; tham gia thực hiện của cộng đồng; đàm phán giá*).

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm: gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án (nếu có).

- Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.

3. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp do Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung

- Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Chính phủ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

- Hồ sơ trình thẩm định phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù đối với một hoặc một số nội dung về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng, điều kiện khác (nếu có) dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu theo các hình thức khác (*gồm: Đấu thầu rộng rãi; đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu; chào hàng cạnh tranh; mua sắm trực tiếp; tự thực hiện; tham gia thực hiện của cộng đồng; đàm phán giá*); dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.

- Căn cứ đề nghị của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chính phủ xem xét trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định của [Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật](#).

4. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp khác

Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp khác, bao gồm: Lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế; gói thầu về đào tạo chuyên sâu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao; gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký hợp đồng với các cơ quan này để thực hiện; tổ chức chương trình nghệ thuật đặc biệt; hợp tác sản xuất phim; gói thầu sản xuất và lắp đặt sân khấu phục vụ sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; thuê địa điểm để tổ chức sản xuất, ghi hình chương

trình mang tính nghệ thuật cao; gói thầu cung cấp dịch vụ in ấn, cung cấp tem, biên lai, niêm phong theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan; gói thầu mua chó nghiệp vụ, đào tạo chó nghiệp vụ, mua ma túy, chất nổ, mẫu tâm nguồn hơi ma túy, chất nổ để huấn luyện chó nghiệp vụ.

Điều 82 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp khác như sau:

Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với một hoặc một số trường hợp khác nêu trên và quy trình lựa chọn tương ứng để áp dụng chung cho các gói thầu thuộc phạm vi quản lý.

Trên cơ sở quyết định của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người có thẩm quyền, chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định sau:

4.1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế:

- Cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết vụ kiện xây dựng các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư để xác định danh sách (không ít hơn 03) tổ chức hành nghề luật sư, luật sư dự kiến được thuê; chỉ lựa chọn vào danh sách các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư danh tiếng, nhiều kinh nghiệm.

- Cơ quan chủ trì giải quyết vụ kiện tổ chức đàm phán hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư có ưu thế nhất trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu và cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư trong vụ kiện.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết vụ kiện phê duyệt và thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, luật sư.

- Cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết vụ kiện hoàn thiện, ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư.

4.2. Đối với trường hợp khác (trừ trường hợp lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế và gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế)

Quy trình lựa chọn nhà thầu gồm các bước:

- Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Thương thảo hợp đồng với nhà thầu được xác định có đủ năng lực, kinh nghiệm.

- Phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu.

Hợp đồng phải bao gồm đầy đủ các nội dung liên quan đến yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị hợp đồng.

- Việc đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu khác được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

4.3. Đối với gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế:

- Đối với đoàn đi công tác quốc tế, căn cứ kế hoạch công tác và hành trình bay được duyệt, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay lấy tối thiểu 02 báo giá của 02 đại lý bán vé máy bay khác nhau (hoặc báo giá của 01 đại lý bán vé máy bay của ít nhất 02 hãng hàng không khác nhau, trong đó có ít nhất 01 đại lý chính hãng của hãng không quốc gia Việt Nam) với cùng hành trình bay để xem xét, so sánh và lựa chọn đơn vị cung cấp vé máy bay trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu: đường bay trực tiếp, phù hợp với lịch công tác; tổng các khoản chi tiền vé (bao gồm các khoản thuế và phụ phí), tiền đi đường, tiền chờ đợi tại sân bay thấp nhất. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp thay đổi đường bay ở nước ngoài do nhu cầu công tác thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí quyết định việc mua vé trên cơ sở đề nghị của trưởng đoàn công tác.

- Đối với đoàn đi công tác trong nước:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Việc mua vé máy bay cho các đoàn đi công tác trong nước và quốc tế không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

V. LỰA CHỌN NHÀ THẦU THỰC HIỆN GÓI THẦU CÓ SỰ THAM GIA THỰC HIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương

Điều 84 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương như sau:

- Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện các gói thầu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công mà Nhà nước và Nhân dân cùng làm có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng, khi người dân thuộc cộng đồng dân cư, nhóm thợ hoặc các hội viên của tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu.

- Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

2. Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương

Theo khoản 7 Điều 43 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng bao gồm các bước sau đây: Chuẩn bị phương án lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ tại địa phương để triển khai thực hiện gói thầu; Tổ chức lựa chọn; phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn; hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Điều 85 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương như sau:

- Sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng để các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và nhóm thợ trên địa bàn biết. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu.

- Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ quan tâm nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị hồ sơ năng lực bao gồm các nội dung: họ tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu.

- Chủ đầu tư tổ chức xem xét, lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tốt nhất và mời đại diện thương thảo, ký kết hợp đồng.

Trường hợp chỉ có một cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể, nhóm thợ quan tâm thì xem xét giao cho cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể, nhóm thợ đó thực hiện. Trường hợp không thể giao cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể thực hiện hoặc không có cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể quan tâm thì giao cho nhóm thợ thực hiện.

- Thời hạn tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày.

- Chủ đầu tư công khai kết quả lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể hoặc nhóm thợ được lựa chọn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã.

3. Tạm ứng, thanh toán và giám sát, nghiệm thu gói thầu

Điều 86 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định tạm ứng, thanh toán và giám sát, nghiệm thu gói thầu như sau:

- Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức giám sát việc thực hiện gói thầu, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm tham gia giám sát việc thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ.

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu gói thầu đã hoàn thành. Các thành phần tham gia nghiệm thu bao gồm:

- + Đại diện chủ đầu tư.
- + Đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ thực hiện gói thầu.
- + Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn được hưởng lợi từ sản phẩm, công trình của gói thầu.
- + Các thành phần có liên quan khác do chủ đầu tư quyết định.

CHƯƠNG II

QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Theo Điều 46 Luật Đấu thầu năm 2023, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư bao gồm các bước sau đây: (1) Công bố dự án đầu tư kinh doanh; (2) Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm: lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu; (3) Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm: mời thầu; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút, thay thế hồ sơ dự thầu; (4) Đánh giá hồ sơ dự thầu gồm: mở thầu; kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu; (5) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; giải thích lý do nhà đầu tư không trúng thầu theo yêu cầu của nhà đầu tư (nếu có); (6) Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

Trường hợp pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm, ngoài 06 bước nêu trên, cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ mời quan tâm, thông báo mời quan tâm, tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và phê duyệt kết quả mời quan tâm trước khi thực hiện bước chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Chính phủ quy định quy trình chi tiết lựa chọn nhà đầu tư tại các Điều từ Điều 9 đến Điều 43 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

MỤC 1. QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, ĐẤU THẦU HẠN CHẾ THEO PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ, MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

I. CÔNG BỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

Điều 47 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định về công bố dự án đầu tư kinh doanh như sau:

- Cơ quan có thẩm quyền công bố dự án đầu tư kinh doanh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

- Nội dung công bố dự án đầu tư kinh doanh, bao gồm:

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có).

+ Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư.

+ Địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có).

+ Tên bên mời thầu; hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

+ Nội dung khác có liên quan.

** Việc công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư được quy định chi tiết tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:*

1. Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

Điều 9 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư như sau:

Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

2. Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

Điều 10 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư như sau:

- Đối với dự án đầu tư kinh doanh không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức lập hồ sơ đề xuất dự án (gồm: Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có); tên bên mời thầu; hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; nội dung khác có liên quan), trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trưởng ban Quản lý khu kinh tế phê duyệt thông tin dự án.

- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

- Nhà đầu tư được đề xuất thực hiện dự án đầu tư kinh doanh ngoài dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố theo quy định, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định nhà đầu tư không được đề xuất thực hiện dự án. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề xuất dự án thực hiện như sau:

+ Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án (gồm nội dung: *Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có); nội dung khác có liên quan*) và các nội dung quy định tương ứng (gồm: *Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư*). Nhà đầu tư chịu mọi chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án.

+ Đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề xuất dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một cơ quan chuyên môn tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư.

Đối với dự án đầu tư do bộ, cơ quan ngang bộ, Ban Quản lý khu kinh tế là cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề xuất dự án cho cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế giao nhiệm vụ tiếp nhận và xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư;

+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày được giao nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án với các quy định về dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, điều kiện để dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và có sử dụng đất, dự án không tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, trình người có thẩm quyền phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh.

+ Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

II. CHUẨN BỊ ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

Điều 11 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

- Người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

- Người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

- Đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư, bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt độc lập hoặc đồng thời với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư kinh doanh không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt đồng thời với thông tin dự án đầu tư kinh doanh.

- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

2. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu

Điều 12 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định căn cứ lập hồ sơ mời thầu bao gồm:

(1) Các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, gồm:

- Quy hoạch, kế hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan.

- Quy hoạch xây dựng phù hợp với quy mô, tính chất của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án có cấu phần xây dựng. Trường hợp dự án đầu tư kinh doanh có nhiều công năng, dự án đầu tư được xác định căn cứ công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, kế hoạch cải tạo, xây dựng nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư).

(2) Danh mục dự án thu hồi đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai (*đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và có sử dụng đất*); quyết định thu hồi tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (*đối với dự án dự kiến sử dụng tài sản công thuộc trường hợp thu hồi*).

(3) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

(4) Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt theo quy định.

(5) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

3. Nội dung hồ sơ mời thầu

Điều 48 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư như sau:

- Hồ sơ mời thầu bao gồm:
 - + Chỉ dẫn nhà đầu tư.
 - + Bảng dữ liệu đấu thầu.
 - + Nội dung kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu.
 - + Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; phương án đầu tư kinh doanh; hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.
 - + Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.
 - + Thông tin và yêu cầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.
 - + Dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng.
 - + Nội dung khác có liên quan.
- Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

4. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Điều 13 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu như sau:

- Bên mời thầu giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời thầu theo các nội dung quy định để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu. Phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định.

- Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

+ Bên mời thầu trình người có thẩm quyền dự thảo hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan, đồng thời gửi tổ thẩm định.

+ Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu theo quy định.

+ Người có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu bằng văn bản căn cứ từ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

5. Lựa chọn danh sách ngắn

Điều 14 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế như sau:

- Bên mời thầu xác định danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư kinh doanh và có nhu cầu tham dự thầu, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi phê duyệt, bên mời thầu đăng tải công khai danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự thầu.

III. TỔ CHỨC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu

Điều 15 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu như sau:

Hồ sơ mời thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà đầu tư khi có đủ các điều kiện sau đây:

(1) Dự án được quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thông tin dự án đầu tư kinh doanh được phê duyệt đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

(2) Dự án đầu tư kinh doanh được công bố theo quy định.

(3) Hồ sơ mời thầu được phê duyệt.

(4) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).

2. Mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu

Điều 16 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu như sau:

2.1. Mời thầu:

- Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời thầu được đăng tải. Đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp đấu thầu rộng rãi quốc tế, thông báo mời thầu phải được đăng tải bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và trên trang thông tin điện tử của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam.

- Gửi thư mời thầu đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế.

2.2. Phát hành hồ sơ mời thầu:

- Đối với đấu thầu rộng rãi, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Bên mời thầu đăng tải miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Đối với đấu thầu hạn chế, hồ sơ mời thầu được phát hành cho các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn.

2.3. Sửa đổi hồ sơ mời thầu:

Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi. Việc đăng tải quyết định sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời hạn tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 25 ngày đối với đấu thầu quốc tế trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

2.4. Làm rõ hồ sơ mời thầu:

Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 07 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 15 ngày (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Đăng tải nội dung làm rõ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu lập thành biên bản làm rõ hồ sơ mời thầu và phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu phải được đăng tải trên Hệ thống tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định.

Lưu ý:

- Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

- Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông báo gia hạn phải nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu

Điều 17 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu như sau:

- Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu được quy định tại Điều 49 Luật Đấu thầu năm 2023, cụ thể:

+ Đối với đấu thầu trong nước, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 45 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu.

+ Đối với đấu thầu quốc tế, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu.

- Bên mời thầu tiếp nhận hồ sơ dự thầu của tất cả các nhà đầu tư nộp trước thời điểm đóng thầu và quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; không được tiết lộ thông tin trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư tham dự thầu, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu.

- Khi có yêu cầu sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị gửi bên mời thầu. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc

sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư khi nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.

- Hồ sơ dự thầu hoặc các tài liệu được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại, trừ tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

IV. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU ĐỐI VỚI DỰ ÁN ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

1. Mở thầu

Điều 18 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định mở thầu như sau:

- Việc mở thầu phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các hồ sơ dự thầu đã nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà đầu tư.

- Bên mời thầu kiểm tra niêm phong, mở từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và đọc rõ các thông tin sau:

- + Tên nhà đầu tư;
- + Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ;
- + Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu gồm một hoặc các thông tin sau: giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án và các dịch vụ vận hành kèm theo; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc giá trị của các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương; ngưỡng tổng lượng phát thải các chất độc hại;
- + Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị (nếu có);
- + Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
- + Giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu;
- + Các thông tin liên quan khác.

- Biên bản mở thầu gồm các thông tin được đọc tại thời điểm mở thầu, phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu và được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

- Đại diện của bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung thuộc phương án đầu tư kinh doanh và đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của từng hồ sơ dự thầu.

2. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu

Điều 19 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu, bao gồm:

2.1. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư để bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực và kinh nghiệm, có phương án kỹ thuật, tài chính khả thi để thực hiện dự án.

2.2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện trên bản chụp, nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đó bị loại.

2.3. Khi đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính của hồ sơ dự thầu để xác định hồ sơ dự thầu không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản, trong đó:

- Sai khác là các khác biệt so với yêu cầu quy định tại hồ sơ mời thầu; đặt điều kiện là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu quy định tại hồ sơ mời thầu; bỏ sót nội dung là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu quy định tại hồ sơ mời thầu.

- Với điều kiện hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu quy định tại hồ sơ mời thầu thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong hồ sơ dự thầu.

- Với điều kiện hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản hồ sơ mời thầu, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai khác không nghiêm trọng trong hồ sơ dự thầu liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được làm ảnh hưởng đến đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa

phương của nhà đầu tư. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư sẽ bị loại.

3. Làm rõ hồ sơ dự thầu

Điều 20 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc làm rõ hồ sơ dự thầu như sau:

- Sau khi mở thầu, trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, báo cáo tài chính, tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự thì bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu khi bên mời thầu có yêu cầu. Việc làm rõ các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư tham dự thầu.

- Sau khi đóng thầu, trường hợp nhà đầu tư phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ dự thầu thì được gửi thông tin, tài liệu để bổ sung, làm rõ. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Các tài liệu này được coi là một phần của hồ sơ dự thầu.

- Việc làm rõ các nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh, đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi các đề xuất tương ứng trong hồ sơ dự thầu đã nộp.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

4. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Điều 21 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá hồ sơ dự thầu như sau:

4.1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, gồm:

- Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu.
- Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: Đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh; nội dung đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu.

- Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

4.2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

Hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(1) Có bản gốc hồ sơ dự thầu.

(2) Có đơn dự thầu hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.

(3) Giá trị ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ; không đề xuất giá trị khác nhau về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

(4) Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu;

(5) Có bảo đảm dự thầu hợp lệ.

(6) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh.

(7) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

(8) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

4.3. Đánh giá hồ sơ dự thầu:

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư, đánh giá phương án đầu tư kinh doanh và đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại hồ sơ mời thầu.

4.4. Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu

Sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- Danh sách xếp hạng nhà đầu tư.

- Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư.

- Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

4.5. Xét duyệt trúng thầu:

Nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện được xem xét, đề nghị trúng thầu.

V. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU ĐỐI VỚI DỰ ÁN ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

1. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Điều 22 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật như sau:

- Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Trình tự mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật nêu tại khoản 1 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này. Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật gồm các thông tin sau: Tên nhà đầu tư; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ; thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin liên quan khác.

- Hồ sơ đề xuất về tài chính của tất cả nhà đầu tư phải được bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của bên mời thầu, nhà đầu tư tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ký niêm phong.

2. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Điều 23 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật như sau:

2.1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm:

- Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; đề xuất về kỹ thuật; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

- Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

2.2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(1) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

(2) Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.

(3) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

(4) Có bảo đảm dự thầu hợp lệ.

(5) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất về kỹ thuật với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh.

(6) Có thỏa thuận liên danh hợp lệ đối với trường hợp liên danh.

(7) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

2.3. Trình tự, thủ tục làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (nêu tại khoản 3 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này).

2.4. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

- Nguyên tắc đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật nêu tại khoản 2 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm, yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh được xem xét, mở hồ sơ đề xuất về tài chính.

3. Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Điều 24 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được bên mời thầu phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của tổ chuyên gia.

- Bên mời thầu thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính.

4. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính

Điều 25 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính như sau:

- Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được mở công khai theo thời gian, địa điểm ghi trong thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Biên bản mở thầu gồm thông tin sau: (1) Tên nhà đầu tư; (2) Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ; (3) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu gồm một hoặc các thông tin sau: giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án và các dịch vụ vận hành kèm theo; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc giá trị của các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương; ngưỡng tổng lượng phát thải các chất độc hại; (4) Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị (nếu có); (5) Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; (6) Giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; (7) Các thông tin liên quan khác.

Biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); các đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của từng hồ sơ về đề xuất tài chính.

5. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính

Điều 26 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính như sau:

5.1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm:

- Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính;
- Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;
- Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính.

5.2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính:

Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

(1) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính.

(2) Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.

(3) Giá trị ghi trong đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ; không đề xuất giá trị khác nhau về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

(4) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về tài chính hợp lệ được đánh giá chi tiết về tài chính.

5.3. Trình tự, thủ tục làm rõ hồ sơ đề xuất về tài chính (nêu tại khoản 3 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này).

5.4. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính:

- Nguyên tắc đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật nêu tại khoản 2 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

5.5. Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính

Sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo phải nêu rõ các nội dung sau đây:

(1) Danh sách xếp hạng nhà đầu tư.

(2) Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư.

(3) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

(6) Việc xét duyệt trúng thầu.

VI. TRÌNH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Điều 27 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư như sau:

1.1. Việc trình, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình người có thẩm quyền kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời gửi tổ thẩm định để tổ chức thẩm định, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

- Tổ thẩm định thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định trước khi phê duyệt.

1.2. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư bằng văn bản căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

(1) Tên dự án.

(2) Tên nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có).

(3) Một hoặc các thông tin sau: Giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án và các dịch vụ vận hành kèm theo; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc giá trị của các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương; ngưỡng tổng lượng phát thải các chất độc hại.

(4) Các nội dung khác (nếu có).

1.3. Hủy thầu

Trường hợp hủy thầu do tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

2. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Điều 28 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu.

- Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

+ Tên dự án.

+ Tên nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có).

+ Một hoặc các thông tin sau: Giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án và các dịch vụ vận hành kèm theo; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc giá trị của các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương; ngưỡng tổng lượng phát thải các chất độc hại.

+ Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư.

+ Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn.

+ Các nội dung khác (nếu có).

VII. ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

1. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

Điều 29 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định đàm phán, hoàn thiện hợp đồng như sau:

- Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư xếp thứ nhất được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng không tham dự hoặc từ chối đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thì sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

- Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

+ Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà đầu tư.

+ Hồ sơ mời thầu.

- Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:
 - + Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
 - + Không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu.
- Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:
 - + Đàm phán, hoàn thiện những nội dung được đề xuất trong hồ sơ dự thầu nhưng chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc còn khác nhau; nội dung chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.
 - + Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng.
 - + Đàm phán về các nội dung khác liên quan đến dự án để có cơ sở xác lập các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng.
 - + Các nội dung cần thiết khác.
- Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong hồ sơ dự thầu đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.
- Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo thành công, bên mời thầu trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo trường hợp tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

2. Ký kết hợp đồng và đăng tải thông tin chủ yếu của hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh

Điều 30 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc ký kết hợp đồng và đăng tải thông tin chủ yếu của hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh như sau:

- Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023.

- Hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh có hiệu lực, bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin chủ yếu của hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung đăng tải thông tin gồm:

- + Tên dự án; số hiệu hợp đồng; thời điểm ký kết hợp đồng.
- + Tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền.
- + Tên, địa chỉ của nhà đầu tư.
- + Mục tiêu, quy mô của dự án.
- + Dự kiến tiến độ thực hiện dự án.
- + Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn sử dụng đất.
- + Dự kiến tổng vốn đầu tư.

+ Một hoặc các thông tin sau: Giá trị bằng tiền nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ doanh thu nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; giá hàng hóa, dịch vụ; số lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án và các dịch vụ vận hành kèm theo; giá trị của hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc giá trị của các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương; ngưỡng tổng lượng phát thải các chất độc hại.

- + Các nội dung khác (nếu có).

MỤC 2. QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐẤU THẦU RỘNG RÃI THEO PHƯƠNG THỨC HAI GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2023 và khoản 1 Điều 31 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu đặc thù phát triển kinh tế, xã hội của ngành, vùng, địa phương nhưng chưa xác định được cụ thể tiêu chuẩn về kỹ thuật, kinh tế, xã hội, môi trường. Quy trình, thủ tục cụ thể như sau:

I. GIAI ĐOẠN MỘT

1. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một

Khoản 2, 3 Điều 31 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định quy trình chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một gồm:

1.1. Lập và phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

Việc lập và phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư nêu tại khoản 1 Phần II Mục 1 Chương II Tài liệu này, trong đó xác định tiến độ cụ thể cho từng giai đoạn.

1.2. Công bố thông tin dự án đầu tư kinh doanh

Việc công bố thông tin dự án đầu tư kinh doanh thực hiện theo quy định nêu tại khoản 1 hoặc khoản 2 Phần I Mục 1 Chương II Tài liệu này.

1.3. Việc lập hồ sơ mời thầu giai đoạn một:

Căn cứ lập hồ sơ mời thầu nêu tại khoản 2 Phần II Mục 1 Chương II Tài liệu này. Hồ sơ mời thầu giai đoạn một gồm các nội dung cơ bản sau đây:

(1) Thông tin chung về dự án gồm: tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án.

(2) Chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn một.

(3) Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định.

(4) Yêu cầu nhà đầu tư kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện.

(5) Ý tưởng sơ bộ về phương án đầu tư kinh doanh; hiệu quả đầu tư, phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

(6) Nội dung cần thiết khác (nếu có).

Hồ sơ mời thầu giai đoạn một không yêu cầu nhà đầu tư đề xuất về tài chính và thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu.

1.4. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu giai đoạn một

Việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu giai đoạn một thực hiện theo quy định nêu tại khoản 4 Phần II Mục 1 Chương II Tài liệu này.

2. Tổ chức đấu thầu giai đoạn một

Điều 32 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định tổ chức đấu thầu giai đoạn một như sau:

2.1. Mời thầu giai đoạn một; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu

Việc mời thầu giai đoạn một; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 2 Phần III Mục 1 Chương II Tài liệu này.

2.2. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu

Việc chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định theo quy định nêu tại khoản 3 Phần III Mục 1 Chương II Tài liệu này.

2.3 Mở thầu:

- Việc mở thầu phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

- Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); các nội dung quan trọng của từng hồ sơ dự thầu.

2.4. Trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn một:

- Căn cứ các yêu cầu quy định tại hồ sơ mời thầu và đề xuất của nhà đầu tư trong hồ sơ dự thầu giai đoạn một, bên mời thầu tiến hành trao đổi với từng nhà đầu tư nhằm chuẩn xác yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực của dự án làm cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ mời thầu giai đoạn hai.

- Việc trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn một không được làm thay đổi nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc nội dung của văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Kết quả trao đổi được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của đại diện bên mời thầu và các nhà đầu tư dự thầu và được gửi trực tiếp cho nhà đầu tư.

II. GIAI ĐOẠN HAI

1. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai

Điều 33 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai như sau:

1.1. Chuẩn bị đấu thầu:

- Hồ sơ mời thầu giai đoạn hai được lập căn cứ nội dung nêu tại khoản 2 Phần II Mục 1 Chương II Tài liệu này và kết quả trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn một.

- Nội dung hồ sơ mời thầu giai đoạn hai; việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu giai đoạn hai thực hiện theo quy định nêu tại khoản 4 Phần II Mục 1 Chương II Tài liệu này.

1.2. Tổ chức đấu thầu:

- Bên mời thầu mời các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn một đến nhận hồ sơ mời thầu giai đoạn hai. Việc phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu giai đoạn hai thực hiện theo quy định nêu tại khoản 2 Phần III Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Việc chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 3 Phần III Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Việc mở thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 1 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này.

2. Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn hai

Điều 34 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn hai như sau:

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo các nguyên tắc nêu tại khoản 2 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 3 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn hai thực hiện theo quy định nêu tại khoản 4 Phần IV Mục 1 Chương II Tài liệu này.

3. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng, công khai thông tin hợp đồng dự án

Điều 35 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng, công khai thông tin hợp đồng dự án như sau:

- Việc trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định nêu tại Phần VI Mục 1 Chương II Tài liệu này.

- Việc đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng; công khai thông tin hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Phần VII Mục 1 Chương II Tài liệu này.

MỤC 3. QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM

I. ÁP DỤNG THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

Điều 36 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định áp dụng thủ tục mời quan tâm như sau:

- Thủ tục mời quan tâm được áp dụng đối với dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, gồm: dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo

quy định của pháp luật về khuyến khích xã hội hóa (*trừ dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn cấp nước, dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước theo quy định của pháp luật về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch*); dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó theo quy định pháp luật về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế; dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Mời quan tâm quốc tế được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh nêu trên (*trừ dự án thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư; dự án cần thực hiện đấu thầu trong nước do yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; dự án thực hiện tại khu vực hạn chế sử dụng đất, khu vực biển hạn chế sử dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan; dự án có tổng vốn đầu tư dưới 800 tỷ đồng và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực*).

- Người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp huyện làm bên mời quan tâm.

- Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho bên mời quan tâm để đăng tải thông tin và mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

1. Chuẩn bị mời quan tâm

Điều 37 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định việc chuẩn bị mời quan tâm như sau:

Trước khi mời quan tâm, cơ quan có thẩm quyền công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo một trong hai trường hợp sau:

(1) Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đăng tải quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

(2) Đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, căn cứ hồ sơ đề xuất dự án được lập và phê duyệt theo quy định nêu tại khoản 2 Phần I Mục 1 Chương II Tài liệu này, cơ quan có thẩm quyền đăng tải thông tin sau: Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân

kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có); nội dung khác có liên quan.

2. Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm

Điều 38 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về việc lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm như sau:

2.1. Căn cứ lập hồ sơ mời quan tâm

Căn cứ lập hồ sơ mời quan tâm nêu tại khoản 2 Phần II Mục 1 Chương II Tài liệu này

2.2. Nội dung hồ sơ mời quan tâm, bao gồm:

- (1) Chỉ dẫn nhà đầu tư.
- (2) Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định.
- (3) Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, cụ thể:
 - Phương pháp đạt, không đạt được áp dụng để đánh giá sơ bộ về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.
 - Tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, gồm:
 - + Yêu cầu vốn chủ sở hữu.
 - + Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự của nhà đầu tư.
- (4) Các biểu mẫu dự quan tâm.
- (5) Thông tin và yêu cầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;
- (6) Nội dung có liên quan khác (nếu có).

Lưu ý:

- Trường hợp dự án áp dụng mời quan tâm trong nước nhưng cần thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế, hồ sơ mời quan tâm có thể quy định nhà đầu tư trong nước được sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài.

- Hồ sơ mời quan tâm chỉ được nêu các yêu cầu nhằm mục đích là lựa chọn được nhà đầu tư đáp ứng tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thực hiện dự án; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

2.3. Thời điểm lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm

Hồ sơ mời quan tâm được lập, phê duyệt đồng thời trong quá trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc trong quá trình lập, phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc sau khi các quyết định này được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thông báo mời quan tâm, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời quan tâm; gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Điều 39 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về việc thông báo mời quan tâm, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời quan tâm; gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án như sau:

- Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với dự án thuộc trường hợp mời quan tâm quốc tế, thông báo mời quan tâm phải được đăng tải bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và trên trang thông tin điện tử của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam.

- Hồ sơ mời quan tâm được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Bên mời quan tâm đăng tải miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) hồ sơ mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời quan tâm sau khi phát hành, bên mời quan tâm phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm đã được sửa đổi. Việc đăng tải quyết định sửa đổi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được thực hiện trong thời hạn tối thiểu là 10 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

- Làm rõ hồ sơ mời quan tâm:

+ Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời quan tâm, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

+ Văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

+ Nội dung làm rõ hồ sơ mời quan tâm không được trái với nội dung của hồ sơ mời quan tâm đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời quan tâm dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời quan tâm thì việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm thực hiện theo quy định.

+ Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm là một phần của hồ sơ mời quan tâm.

- Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông báo gia hạn phải nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

4. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, sửa đổi, rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Điều 40 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về việc chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, sửa đổi, rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án như sau:

- Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Thời gian chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời quan tâm đến ngày có thời điểm đóng thầu.

- Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Việc sửa đổi, rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh chỉ được thực hiện trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

5. Mở thầu và đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh

Điều 41 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về việc mở thầu và đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh như sau:

- Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

- Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của bên mời quan tâm hoặc tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm

Điều 42 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về việc trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm

Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

(1) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư.

Người có thẩm quyền phê duyệt bằng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư (*nêu tại khoản 1 Phần I Mục 1 Chương II Tài liệu này*), trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

- Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án hoặc đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

- Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có tối thiểu một nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

(2) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

(3) Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.

Người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

- Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định.

- Rà soát, chỉnh sửa hồ sơ mời quan tâm nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

Lưu ý: Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

7. Quy trình, thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

Điều 43 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định quy trình, thủ tục đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định nêu tại Phần II, III, IV, V, VI, VII Mục 1 hoặc Mục 2 Chương II Tài liệu này.

CHƯƠNG III

ĐẤU THẦU QUA MẠNG

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐẤU THẦU QUA MẠNG

I. LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ QUA MẠNG

Điều 50 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng như sau:

1. Lộ trình đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (*viết tắt là Hệ thống*) theo lộ trình sau đây:

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, việc đấu thầu qua mạng hoặc không qua mạng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, áp dụng đấu thầu qua mạng đối với tất cả các gói thầu, trừ các trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống.

** Điều 60 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về lộ trình áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng như sau:*

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025: Thực hiện thủ tục mời quan tâm qua mạng trong nước trên Hệ thống.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư qua mạng đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ trên Hệ thống.

- Đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp đấu thầu quốc tế thì không áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng, nhưng phải thực hiện công khai thông tin dự án trên Hệ thống.

2. Nội dung lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống

Các nội dung lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống bao gồm:

(1) Đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

(2) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

(3) Lập, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

(4) Mở thầu.

(5) Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, mời thương thảo hợp đồng, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;.

(6) Thỏa thuận liên danh, bảo lãnh dự thầu điện tử, bảo lãnh thực hiện hợp đồng điện tử.

(7) Làm rõ các nội dung trong đấu thầu.

(8) Gửi và nhận đơn kiến nghị.

(9) Hợp đồng điện tử.

(10) Thanh toán điện tử.

Lưu ý:

- Văn bản điện tử trên Hệ thống có giá trị theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân.

3. Chi phí trong đấu thầu qua mạng

Chi phí trong đấu thầu qua mạng bao gồm: chi phí tham gia Hệ thống; chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu, tham dự thầu, ký kết hợp đồng và các chi phí khác khi đấu thầu trên Hệ thống.

4. Các trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống

Khoản 9 Điều 97 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định các trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống, bao gồm:

(1) Gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

(2) Gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, đàm phán giá, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, gói thầu có sự tham gia của cộng đồng, lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn. Đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu này, việc ký hợp đồng điện tử được thực hiện trên cơ sở phù hợp với tính năng và sự phát triển của Hệ thống.

(3) Dự án, dự toán mua sắm, gói thầu có các nội dung được bảo mật mà việc công khai thông tin trên Hệ thống sẽ ảnh hưởng tới lợi ích cộng đồng hoặc gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội hoặc gây nguy hại tới quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

Trường hợp việc công khai các thông tin về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu có thể dẫn đến các hậu quả nêu trên, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc không tổ chức đấu thầu qua mạng.

Trường hợp một số thông tin trong dự án, dự toán mua sắm, gói thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu cần bảo mật và các thông tin còn lại vẫn được công khai thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền về cách thức cung cấp thông tin. Các thông tin cần bảo mật không phải công khai trên Hệ thống; các thông tin khác được tiếp tục đăng tải và tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- (4) Gói thầu vượt quá khả năng đáp ứng về hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống;
- (5) Các gói thầu khác theo quy định của pháp luật.

II. HỆ THỐNG MẠNG ĐẤU THẦU QUỐC GIA

1. Yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều 51 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định yêu cầu đối với Hệ thống, bao gồm:

- (1) Công khai, không hạn chế truy cập, tiếp cận đối với thông tin được đăng tải công khai trên Hệ thống.
- (2) Nguồn thời gian của Hệ thống được xác định theo quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia.
- (3) Hệ thống hoạt động liên tục, thống nhất, ổn định, an toàn thông tin, có khả năng xác thực người dùng, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu.
- (4) Thực hiện ghi lại thông tin và truy xuất được lịch sử các giao dịch trên Hệ thống.
- (5) Bảo đảm nhà thầu, nhà đầu tư không thể gửi hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu.
- (6) Các thông tin về nhà thầu, nhà đầu tư được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quản lý thuế, Hệ thống thông tin quản lý ngân sách, kho bạc và các hệ thống khác. Hệ thống được kết nối với các Cổng thông tin điện tử, Hệ thống công nghệ thông tin khác để trao đổi, chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ đấu thầu qua mạng và quản lý nhà nước về đấu thầu.

** Việc kết nối Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với các hệ thống khác được quy định chi tiết tại Điều 96 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như sau:*

- Kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh:

+ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tiếp nhận thông tin về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh để phục vụ cho việc đăng ký tham gia, hoạt động của nhà thầu trên Hệ thống.

+ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sử dụng thông tin về tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh lưu giữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu. Dữ liệu chia sẻ giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh với Hệ thống được cập nhật thường xuyên, liên tục.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, quản lý, hướng dẫn thực hiện kết nối giữa các Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Kết nối với Hệ thống thông tin quản lý thuế:

+ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sử dụng thông tin về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và thông tin báo cáo tài chính của tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh để phục vụ cho việc đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu.

+ Thông tin về nghĩa vụ nộp thuế và thông tin báo cáo tài chính của tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh được cập nhật thường xuyên, liên tục.

+ Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện kết nối Hệ thống thông tin quản lý thuế với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh; quản lý thông tin tiếp nhận theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Kết nối với Hệ thống thông tin về quản lý ngân sách và kho bạc:

+ Hệ thống chia sẻ các thông tin về hợp đồng, tiến độ thực hiện, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, tiến độ thanh toán của hợp đồng phục vụ quản lý thực hiện hợp đồng, thanh toán hợp đồng và quản lý năng lực kinh nghiệm, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

+ Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện kết nối Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc với Hệ thống; quản lý thông tin tiếp nhận theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Hệ thống được kết nối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Công thông tin và các Hệ thống khác để đơn giản hoá quy trình đấu thầu, quản lý hợp đồng, thanh toán hợp đồng.

2. Trách nhiệm của tổ chức vận hành Hệ thống

Điều 52 Luật Đấu thầu năm 2023 quy định tổ chức vận hành Hệ thống có trách nhiệm sau:

(1) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu của Hệ thống.

(2) Bảo đảm tính toàn vẹn của các hồ sơ trên Hệ thống, ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, thay thế hồ sơ bất hợp pháp.

(3) Bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cho người dùng và quản lý hồ sơ người dùng; có cơ chế ghi lại thông tin và truy xuất nguồn gốc thông tin theo thời gian, hành động trên Hệ thống.

(4) Xây dựng Hệ thống bảo đảm tương thích với các hệ thống khác; giao diện thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

(5) Quản trị rủi ro an toàn thông tin, an ninh mạng của Hệ thống.

(6) Không được sử dụng các thông tin về dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư và thông tin khác trên Hệ thống để phục vụ cho các mục đích không thuộc chức năng, nhiệm vụ của tổ chức vận hành Hệ thống.

(7) Bảo đảm hệ thống phân cứng đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động đấu thầu.

(8) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

MỤC 2. LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

I. QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

Điều 97 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng như sau:

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 1 Phần I, khoản 1 Phần II, khoản 1 Phần V Mục 1 Chương I Tài liệu này.

+ Đối với các nội dung yêu cầu trong bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm trong hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu của gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu

không được đính kèm các file yêu cầu khác ngoài các nội dung đã được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

+ Đối với các nội dung yêu cầu trong bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu của gói thầu dịch vụ tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu không được đính kèm các file yêu cầu khác ngoài các nội dung đã được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 1 Phần I, khoản 1 Phần II, khoản 1 Phần V Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Đánh giá hồ sơ dự thầu theo các nguyên tắc (1), (2), (3), (4), (6), (7), (8) nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần I, điểm 3.1 khoản 3 Phần II và điểm 3.1 khoản 3 Phần V Mục 1 Chương I Tài liệu này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, sử dụng phương pháp giá thấp nhất và các hồ sơ dự thầu không có bất kỳ ưu đãi nào thì Hệ thống tự động xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu; việc đánh giá hồ sơ dự thầu có thể được thực hiện đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất. Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu được thực hiện thông qua Hệ thống theo nội dung (1), (3), (4), (5) nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần I và nội dung (1), (3), (4), (5) nêu tại điểm 3.2 khoản 3 Phần V Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định nêu tại điểm 3.3 khoản 3 Phần I và điểm 3.3 khoản 3 Phần V Mục 1 Chương I Tài liệu này.

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt trên Hệ thống theo đúng lộ trình.

- Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống đối với gói thầu mà nhà thầu quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

- Việc lựa chọn nhà thầu qua mạng từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thực hiện theo lộ trình sau:

+ Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu thuộc dự án đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước thuộc lĩnh vực hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 500 tỷ đồng, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

+ Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trong năm phải bảo đảm tổng số lượng gói thầu đạt tối thiểu 95% số lượng gói thầu và tối thiểu 90% tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

+ Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu thuộc dự toán mua sắm áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

+ Đối với gói thầu áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng, việc phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

II. CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN

1. Điều kiện áp dụng chào giá trực tuyến

Điều 98 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chào giá trực tuyến bao gồm chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường và chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.

1.1. Chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

(1) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản.

(2) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; có sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp; tiêu chuẩn đánh giá quan trọng nhất là giá, không có hoặc ít có yếu tố tác động của chi phí vòng đời.

Nhóm hàng hóa, dịch vụ có thể áp dụng chào giá trực tuyến bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng cơ bản (quặng sắt, cốt liệu đường, vật liệu xây dựng, ống đồng và các nguyên liệu khác); thiết bị công nghệ thông tin đã được chuẩn hóa gồm máy tính, hộp mực, các modem và các thiết bị khác; giấy in, giấy photocopy, vật tư đơn giản, bóng đèn; mua quyền sử dụng phần mềm thương

mại; năng lượng, than hoặc khí đốt; hóa chất; dịch vụ vận chuyên; dịch vụ vệ sinh; dịch vụ bảo trì; các hàng hóa, dịch vụ khác đáp ứng nội dung (1) và (2) nêu trên.

1.2. Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn được áp dụng trong một hoặc các trường hợp sau đây:

(1) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá trị không quá 300 triệu đồng đối với dự toán mua sắm.

(2) Gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo [Luật Đầu tư công](#), bao gồm: gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng.

(3) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn phải mua của hãng sản xuất cụ thể để bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của hãng sản xuất mà không thể mua của hãng sản xuất khác và có nhiều nhà thầu có khả năng cung cấp.

2. Nguyên tắc chào giá trực tuyến

Điều 99 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định nguyên tắc chào giá trực tuyến, bao gồm:

(1) Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến. Mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu. Hệ thống tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến; thời gian còn lại của quá trình chào giá trực tuyến.

(2) Trường hợp giá dự thầu là yếu tố duy nhất được phép chào lại và gói thầu đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất mà có nhiều nhà thầu cùng chào giá thấp nhất thì nhà thầu chào giá đầu tiên thấp nhất trúng thầu.

(3) Trường hợp không sử dụng phương pháp giá thấp nhất, Hệ thống tự động xếp hạng nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu mà có nhiều nhà thầu cùng xếp hạng thứ nhất thì nhà thầu xếp hạng thứ nhất đầu tiên trúng thầu.

(4) Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến phải trong giờ hành chính.

(5) Giá chào không được cao hơn giá gói thầu và không được cao hơn giá chào thấp nhất đối với trường hợp giá là yếu tố duy nhất được chào lại. Trường hợp giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của tất cả nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ

thuật vượt giá gói thầu và không có nhà thầu nào tham gia chào giá trực tuyến đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường thì chủ đầu tư cho phép đồng thời với việc các nhà thầu chào lại giá dự thầu, xem xét lại giá gói thầu, nội dung hồ sơ mời thầu đã duyệt, nếu cần thiết hoặc mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn hoặc cho phép mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất vào đàm phán về giá nhưng phải bảo đảm giá sau đàm phán không được vượt giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.

3. Quy trình chào giá trực tuyến thông thường

Điều 100 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về quy trình chào giá trực tuyến thông thường như sau:

(1) Trên cơ sở kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, việc tổ chức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường được thực hiện tại bước đánh giá về tài chính, làm căn cứ để so sánh hồ sơ dự thầu và xếp hạng nhà thầu.

(2) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

- Việc lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định nêu tại điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này. Đối với gói thầu có giá gói thầu dưới 05 tỷ đồng, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 05 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu.

- Ngoài các nội dung nêu tại tiết 1.2.2 điểm 1.2 khoản 1 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này, hồ sơ mời thầu còn phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau liên quan đến quá trình chào giá trực tuyến:

+ Thông báo về việc áp dụng chào giá trực tuyến trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

+ Các yếu tố khác ngoài giá mà nhà thầu được phép thay đổi (nếu có) và công thức quy đổi để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

(3) Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định nêu tại khoản 2 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

(4) Đánh giá hồ sơ dự thầu và tổ chức chào giá trực tuyến:

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại Phần I Mục 2 Chương III Tài liệu này.

- Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, bên mời thầu gửi thông báo mời tham gia chào giá trực tuyến Trên Hệ thống đến các nhà thầu

có tên trong danh sách trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến. Thông báo mời tham gia chào giá trực tuyến bao gồm các nội dung sau: thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến; nguyên tắc xếp hạng nhà thầu, bao gồm cả công thức toán học được sử dụng trong quá trình chào giá trực tuyến (nếu có) để tự động xếp hạng nhà thầu trên cơ sở mức giá nhà thầu chào cùng với các yếu tố khác trong phiên chào giá trực tuyến; bước giá (mức chênh lệch tối thiểu của lần chào giá sau so với lần chào giá trước liền kề); thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến; các thông tin liên quan khác (nếu có).

- Nhà thầu quyết định việc tham gia chào giá trực tuyến theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu được mời tham gia chào giá trực tuyến nhưng không tham gia thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ tiếp tục được đánh giá về tài chính căn cứ theo hồ sơ dự thầu đã nộp trước thời điểm đóng thầu.

(5) Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến:

- Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trên Hệ thống. Thời gian chào giá trực tuyến tối thiểu là 03 giờ kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến.

- Hệ thống ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu;

- Việc xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định căn cứ vào giá dự thầu và các yếu tố ngoài giá (nếu có) tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến của nhà thầu xếp thứ nhất.

(6) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

(7) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

4. Quy trình chào giá trực tuyến rút gọn

Điều 101 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định quy trình chào giá trực tuyến rút gọn như sau:

(1) Chuẩn bị thông báo mời thầu trên cơ sở kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt

Thông báo mời thầu bao gồm các thông tin sau đây:

- Yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thời gian giao hàng, bảo hành và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa; phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành dịch vụ và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

- Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến, nguyên tắc xếp hạng nhà thầu, bước giá, thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và các thông tin liên quan khác (nếu có).

- Không nêu yêu cầu về bảo đảm dự thầu.

(2) Sau khi chủ đầu tư phê duyệt thông báo mời thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến. Thời gian chào giá trực tuyến tối thiểu là 24 giờ kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến.

(3) Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trực tiếp trên Hệ thống để chào giá cho các nội dung xác định trong thông báo mời thầu và được chào giá theo thời hạn quy định trong thông báo mời thầu.

(4) Để tham gia chào giá trực tuyến, nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu đáp ứng các yêu cầu trong thông báo mời thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết thì bị xử lý theo đúng cam kết trong đơn dự thầu (công khai tên nhà thầu trên Hệ thống và khóa tài khoản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư), trừ trường hợp bất khả kháng.

(5) Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến:

- Hệ thống ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu.

- Việc xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định căn cứ vào giá dự thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến của nhà thầu xếp thứ nhất.

(6) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 4 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

(7) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này.

III. MUA SẮM TRỰC TUYẾN

1. Hình thức mua sắm trực tuyến

Điều 102 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định hình thức mua sắm trực tuyến như sau:

- Mua sắm trực tuyến phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và được áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ của gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo [Luật Đầu tư công](#) có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng.

- Thời gian áp dụng mua sắm trực tuyến đối với các hạng mục trong danh mục hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung là thời gian thực hiện hợp đồng trong trường hợp không ký thỏa thuận khung nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc thời gian có hiệu lực của thỏa thuận khung.

2. Quy trình mua sắm trực tuyến

Điều 103 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về quy trình mua sắm trực tuyến như sau:

(1) Hệ thống tự động trích xuất thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm tập trung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm trực tuyến.

(2) Căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm trực tuyến, chủ đầu tư, bên mời thầu có nhu cầu mua sắm trực tuyến đặt mua hàng hóa, dịch vụ trực tiếp trên Hệ thống. Nội dung đơn hàng đối với từng hàng hóa, dịch vụ bao gồm: số lượng, khối lượng; phương thức vận chuyển và đơn giá vận chuyển (nếu có); đơn giá của hàng hóa, dịch vụ; phương thức thanh toán; địa điểm giao hàng hoặc địa điểm thực hiện; các thông tin cần thiết khác.

(3) Đối với mỗi yêu cầu đặt hàng, Hệ thống tự động gửi thông báo cho nhà thầu đã trúng thầu trong mua sắm tập trung trước đó. Nhà thầu có trách nhiệm xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng trên Hệ thống trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đặt hàng.

(4) Hệ thống hiển thị thông báo về việc xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng của nhà thầu và gửi thông báo đến đơn vị đặt mua.

(5) Công khai kết quả mua sắm trực tuyến.

(6) Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định nêu tại khoản 5, 6 Phần I Mục 1 Chương I Tài liệu này. Nhà thầu quản

lý các đơn hàng đã xác nhận và chịu trách nhiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

3. Thông tin hàng hóa, dịch vụ được mua sắm trực tuyến

Điều 104 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định về thông tin hàng hóa, dịch vụ được mua sắm trực tuyến như sau:

Trường hợp điều chỉnh giảm giá hàng hóa, dịch vụ so với quy định trong thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký trước đó, nhà thầu thông báo cho đơn vị mua sắm tập trung và Hệ thống tối thiểu 05 ngày trước thời điểm điều chỉnh giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

MỤC 3. LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ QUA MẠNG

I. QUY TRÌNH MỜI QUAN TÂM QUA MẠNG

Điều 61 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về quy trình mời quan tâm qua mạng như sau:

1. Thông báo mời quan tâm, phát hành hồ sơ mời quan tâm qua mạng:

- Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời quan tâm qua mạng (gọi tắt là E-TBMQT) trên Hệ thống. Đối với dự án đầu tư kinh doanh được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin này bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Hồ sơ mời quan tâm qua mạng (gọi tắt là E-HSMQT) được phát hành đồng thời với E-TBMQT trên Hệ thống. Bên mời quan tâm đăng tải miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) E-HSMQT trên Hệ thống.

- Việc sửa đổi, hủy E-TBMQT chỉ được thực hiện trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án qua mạng (gọi tắt là E-HSĐKTHDA), trừ trường hợp không có nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA.

2. Sửa đổi, làm rõ E-HSMQT; gia hạn thời gian nộp E-HSĐKTHDA:

- Trường hợp sửa đổi E-HSMQT sau khi phát hành, bên mời quan tâm phải đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMQT, E-HSMQT đã được sửa đổi.

- Làm rõ E-HSMQT:

Trường hợp cần làm rõ E-HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA để xem xét, xử lý.

Văn bản làm rõ E-HSMQT được đăng tải trên Hệ thống tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp E-HSĐKTHDA. Nội dung làm rõ E-HSMQT không được trái với nội dung của E-HSMQT đã được đăng tải trên Hệ thống.

Trường hợp sau khi làm rõ E-HSMQT dẫn đến phải sửa đổi E-HSMQT thì việc sửa đổi thực hiện theo quy định.

- Trường hợp gia hạn thời gian nộp E-HSĐKTHDA trên Hệ thống, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

3. Nộp, sửa đổi, thay thế, rút E-HSĐKTHDA:

- Nộp E-HSĐKTHDA:

Nhà đầu tư có trách nhiệm tạo lập và gửi đính kèm E-HSĐKTHDA trên Hệ thống. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp E-HSĐKTHDA và đồng thời đính kèm thỏa thuận liên danh trên Hệ thống.

Hệ thống thông báo cho nhà đầu tư về tình trạng nộp E-HSĐKTHDA (thành công hoặc không thành công) qua địa chỉ email đã được nhà đầu tư đăng ký. Các thông tin được ghi nhận trên Hệ thống để làm căn cứ giải quyết kiến nghị, tranh chấp (nếu có) gồm: thông tin về bên gửi, bên nhận, thời điểm gửi, trạng thái gửi, số tệp tin (file) đính kèm trên Hệ thống khi nhà đầu tư nộp E-HSĐKTHDA của nhà đầu tư.

- Làm rõ E-HSĐKTHDA:

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ E-HSĐKTHDA theo yêu cầu của bên mời quan tâm hoặc tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện E-HSĐKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa nộp cùng hồ sơ. Việc làm rõ E-HSĐKTHDA được thực hiện trên Hệ thống.

- Sửa đổi, thay thế, rút E-HSĐKTHDA:

Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút E-HSĐKTHDA. Nhà đầu tư không được rút hồ sơ đã nộp sau thời điểm hết hạn nộp E-HSĐKTHDA.

4. Mở thầu:

E-HSĐKTHDA được mở và giải mã để đánh giá. Biên bản mở E-HSĐKTHDA được đăng tải công khai trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ sau thời điểm đóng thầu.

5. Đánh giá E-HSĐKTHDA:

Hết thời hạn nộp E-HSĐKTHDA, bên mời quan tâm truy cập vào Hệ thống và tiến hành đánh giá E-HSĐKTHDA của các nhà đầu tư đã nộp.

6. Sau khi có kết quả đánh giá E-HSDKTHDA, kết quả mời quan tâm được phê duyệt gồm danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu E-HSMQT được đăng tải trên Hệ thống.

II. QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ QUA MẠNG

Điều 62 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định về quy trình lựa chọn nhà đầu tư qua mạng như sau:

1. Mời thầu, phát hành Hồ sơ mời thầu qua mạng:

- Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời thầu qua mạng (gọi là E-TBMT) trên Hệ thống. Đối với dự án đầu tư kinh doanh được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin này bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Hồ sơ mời thầu qua mạng (gọi là E-HSMT) được phát hành trên Hệ thống cùng E-TBMT. Bên mời thầu đăng tải miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) E-HSMT trên Hệ thống.

- Việc sửa đổi, hủy E-TBMT chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà đầu tư nào nộp E-HSDT.

2. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT:

- Trường hợp sửa đổi E-HSMT sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMT, HSMT đã được sửa đổi.

- Làm rõ E-HSMT:

Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu trên Hệ thống theo thời hạn quy định trong E-HSMT để xem xét, xử lý.

Văn bản làm rõ được đăng tải trên Hệ thống tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ E-HSMT không được trái với nội dung của E-HSMT đã được đăng tải trên Hệ thống.

Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ E-HSMT dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ này thì việc sửa đổi thực hiện theo quy định.

- Trường hợp gia hạn thời gian nộp E-HSDT trên Hệ thống, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

3. Nộp, sửa đổi, thay thế, rút E-HSDT:

- Nộp E-HSDT:

Nhà đầu tư có trách nhiệm tạo lập và gửi đính kèm E-HSDT trên Hệ thống, thực hiện bảo lãnh dự thầu điện tử (nếu có) trên Hệ thống.

Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp E-HSDT, đồng thời đính kèm thỏa thuận liên danh trên Hệ thống.

Hệ thống thông báo cho nhà đầu tư tình trạng nộp E-HSDT (thành công hoặc không thành công) qua địa chỉ email mà nhà đầu tư đã đăng ký. Các thông tin được ghi nhận trên Hệ thống để làm căn cứ giải quyết kiến nghị, tranh chấp (nếu có) gồm: thông tin về bên gửi, bên nhận, thời điểm gửi, trạng thái gửi, số tệp tin (file) đính kèm lên Hệ thống khi nhà đầu tư nộp E-HSDT của nhà đầu tư.

- Làm rõ E-HSDT:

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện E-HSDT thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa nộp cùng hồ sơ. Việc làm rõ E-HSDT được thực hiện trên Hệ thống.

- Sửa đổi, thay thế, rút E-HSDT:

Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút E-HSDT. Nhà đầu tư không được rút hồ sơ đã nộp sau thời điểm đóng thầu.

4. Mở thầu:

Bên mời thầu mở và giải mã E-HSDT để đánh giá. Biên bản mở E-HSDT được đăng tải công khai trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ sau thời điểm đóng thầu.

5. Đánh giá E-HSDT:

Hết thời hạn nộp E-HSDT, bên mời thầu truy cập vào Hệ thống và tiến hành đánh giá E-HSDT của các nhà đầu tư đã nộp.

6. Sau khi đánh giá E-HSDT, kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt và đăng tải công khai trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

TÌM HIỂU QUY TRÌNH, THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN THỊ THƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Biên soạn

VŨ THỊ MINH HIỀN

Trưởng Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành
pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật,
Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

TRƯƠNG THỊ LAN

Chuyên viên Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành
pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật,
Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Sửa bản in

Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và
phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp
tỉnh Tuyên Quang

In 500 cuốn, khổ 14 x 20 cm. Giấy phép xuất bản số .../GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang cấp ngày ... tháng ... năm 2024. In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2024.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

**NGƯỜI SỬA CHỮA,
BIÊN TẬP TỔNG THỂ**

**NGƯỜI THẨM ĐỊNH,
NHẬN XÉT, DUYỆT**

Trương Thị Lan

Vũ Thị Minh Hiền

Nguyễn Thị Thước